

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y DƯỢC HỒNG ĐỨC



GIÁO TRÌNH
CHÍNH TRỊ
NGÀNH: Y SĨ ĐA KHOA

Thành phố Hồ Chí Minh - 2023
(Lưu hành nội bộ)

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

MỤC LỤC

Bài 1: KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN.....	8
1. Khái niệm chủ nghĩa Mác – Lênin.....	8
2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin.....	11
2.1. Triết học Mác – Lênin	11
2.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin	24
3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin.....	32
Bài 2: KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.....	34
1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.....	34
1.1. Khái niệm.....	34
1.2. Nguồn gốc.....	34
2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.....	37
2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại	37
2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân	39
2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân	42
2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hoá, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân	43
2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.....	45
2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau.....	48
3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam	50
4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay	50
4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh	53
4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ...	54
Bài 3: NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG	63

1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam.....	63
1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.....	63
1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng.....	66
2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	67
2.1. Thành tựu của cuộc đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc	67
2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới.....	73
Bài 4: ĐẶC TRƯNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	75
1. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	75
1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.....	75
1.2. Do nhân dân làm chủ.....	76
1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp.....	76
1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.....	77
1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện	77
1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển.....	78
1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.....	79
1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.....	80
2. Phương hướng xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.....	80
2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.....	80
2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.....	82
2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.....	82
2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phong, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.....	83
2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế	84
2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất	85
2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.....	86
2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh	87
Bài 5: PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM.....	89
1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay.....	89
1.1. Quan điểm, chủ trương phát triển kinh tế, xã hội của Đảng	89

1.2. Quan điểm, chủ trương phát triển văn hóa, con người	97
2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay.....	100
2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội.....	100
2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người	107
Bài 6: TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY.....	117
1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế.....	117
1.1. Bối cảnh quốc tế.....	117
2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh.....	119
2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh.....	120
2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của quốc phòng, an ninh	120
3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại	121
3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại	121
3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại	122
Bài 7: XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.....	126
1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	126
1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.....	126
1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.....	128
2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	131
2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	131
2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.....	132
Bài 8: PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC.....	139
1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.....	139
1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.....	139
1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.....	141
2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.....	142
2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.....	142
2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	144

BÀI 9: TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT	148
1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt.....	148
1.1. Người công dân tốt.....	148
1.2. Người lao động tốt	149
2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.....	151
2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam	151
2.2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân.....	152

BÀI MỞ ĐẦU

1. Vị trí, tính chất môn học

- Môn Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc các môn học chung trong chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng.

- Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

2. Mục tiêu của môn học: Sau khi học xong, người học đạt được:

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Nội dung chính

Nội dung môn học Giáo dục chính trị là nghiên cứu sự hình thành và những nội dung chủ yếu của chủ nghĩa Mác – Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; con đường và phương pháp để thực hiện các nội dung đó vào thực tiễn cách mạng Việt Nam; những kiến thức cơ bản để giáo dục sinh viên trở thành người công dân tốt, người lao động tốt cho xã hội.

Giáo dục chính trị là môn học bao gồm nội dung cơ bản nhất của: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế - chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Phương pháp chủ yếu để giảng dạy và học tập môn học giáo dục chính trị là: phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp logic - lịch sử, phân tích và tổng hợp, trừu tượng hóa, khái quát hóa, thuyết trình, phỏng vấn, hỏi đáp, nêu ý kiến....

Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính chủ động, tính tích cực của người học. Tăng cường hoạt động sáng tạo của người học, khả năng liên hệ thực tiễn; phân tích thực tiễn, thảo luận và trao đổi với nhau các tri thức cần thiết qua quá trình học tập; việc học tập cần liên hệ với định hướng nghề nghiệp tương lai và thực tiễn cuộc sống của người học.

Kết hợp giảng dạy học môn giáo dục chính trị với học tập Nghị quyết của Đảng, phổ biến pháp luật của Nhà nước, thực hiện các phong trào thi đua của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, của địa phương và các hoạt động của ngành chủ quản, gắn lý luận với thực tiễn để định hướng nhận thức và rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho người học nghề.

Trong quá trình học tập môn giáo dục chính trị, có thể tổ chức cho học sinh, sinh viên thảo luận, xem băng hình, phim tư liệu lịch sử, chuyên đề thời sự hoặc tổ chức đi thăm quan bảo tàng, nghiên cứu các điển hình sản xuất công nghiệp, các di tích lịch sử, văn hóa ở địa phương.

Môn học góp phần hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho người học. Cụ thể, góp phần mài sắc tư duy, cung cấp tri thức khoa học, kinh nghiệm cuộc sống... để hình thành thế giới quan khoa học. Điều chỉnh hành vi của người học đối với môi trường xung quanh, định hướng cho nhận thức đúng đắn... nhằm mục đích xây dựng xã hội tiến bộ, văn minh. Muốn hình thành nhận thức thế giới khoa học, người học cần có phương pháp luận đúng đắn, khách quan. Phải xem xét các sự vật trong mối liên hệ ràng buộc lẫn nhau, trong trạng thái vận động biến đổi không ngừng với tư duy linh hoạt và đó chính là phương pháp luận biện chứng.

Bài 1:

KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

1. Khái niệm chủ nghĩa Mác – Lênin

Khái niệm chủ nghĩa Mác- Lênin

Trong lịch sử phát triển của nhân loại, nhất là từ khi xuất hiện các giai cấp và đấu tranh giai cấp, con người luôn luôn có nguyện vọng sống trong một xã hội hoà bình, mọi người đều bình đẳng, dân chủ, công bằng, ấm no, tự do và hạnh phúc. Để phản ánh nguyện vọng đó, nhiều học thuyết tư tưởng lý luận tiến bộ và nhân đạo đã hình thành và phát triển, dẫn dắt cuộc đấu tranh của nhân dân lao động.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ thống quan điểm lý luận và học thuyết do C.Mác, Ph. Ăngghen sáng lập từ giữa thế kỷ XIX và được V.I.Lênin bổ sung và phát triển hoàn thiện trong điều kiện mới của lịch sử thế giới đầu thế kỷ XX.

Chủ nghĩa Mác- Lênin là hệ thống lý luận thống nhất được cấu thành từ ba bộ phận lý luận cơ bản là Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị học Mác – Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học; là hệ thống lý luận khoa học thống nhất về mục tiêu, con đường, biện pháp, lực lượng thực hiện sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động nhằm giải phóng con người, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận thống nhất được hình thành từ ba bộ phận: triết học Mác - Lênin, kinh tế chính trị Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học. Ba bộ phận trên có đối tượng nghiên cứu khác nhau nhưng đều nằm trong một hệ thống khoa học thống nhất về mục tiêu, con đường, biện pháp, lực lượng thực hiện sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng nhân dân lao động khỏi chế độ áp bức, bóc lột, giải phóng xã hội và tiến tới giải phóng con người.

Triết học Mác - Lênin (bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử) là khoa học về những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác - Lênin đem lại cho con người thế giới quan khoa học và phương pháp luận đúng đắn để nhận thức và cải tạo thế giới.

Kinh tế chính trị Mác – Lênin là khoa học nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, chỉ rõ bản chất bóc lột của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa; những quy luật kinh tế chủ yếu hình thành, phát triển và đưa chủ nghĩa tư bản tới chỗ diệt vong; những quy luật phát triển của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những quy luật chuyển biến từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội xã hội chủ nghĩa và phương hướng xây dựng xã hội mới. Nó chứng minh rằng việc xã hội hoá lao động trong chủ nghĩa tư bản đã tạo ra cơ sở vật chất chủ yếu cho sự ra đời tất yếu của chủ nghĩa xã hội; động lực trí tuệ và tinh thần của sự chuyển biến đó là chủ nghĩa Mác – Lênin; lực lượng xã hội thực hiện sự chuyển biến đó là giai cấp vô sản và nhân dân lao động.

Bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin

- *Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận khoa học, thể hiện trong toàn bộ các nguyên lý cấu thành học thuyết, trước hết là các nguyên lý trụ cột.*

Trong chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng gắn liền với nhau. Sự thống nhất giữa chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng làm cho chủ nghĩa duy vật trở nên triệt để và phép biện chứng trở thành lý luận khoa học.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử, mà cốt lõi là học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, là một thành tựu vĩ đại của triết học mác-xít. Học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội đã chỉ rõ sự chuyển biến từ một hình thái kinh tế - xã hội này sang một hình thái kinh tế - xã hội khác diễn ra không phải một cách tự động mà phải trải qua quá trình đấu tranh giai cấp gay go, quyết liệt.

Quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất thể hiện sự vận động của phương thức sản xuất. Đó là cơ sở để khẳng định sự diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản, sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

Học thuyết Mác về giá trị thặng dư đã vạch ra quy luật vận động kinh tế của xã hội tư bản - quy luật giá trị thặng dư - từ đó vạch ra bản chất bóc lột của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Học thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản đã chỉ rõ giai cấp công nhân là người lãnh đạo cuộc đấu tranh để lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa và xây

dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, giải phóng giai cấp mình và đồng thời giải phóng xã hội.

- Sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan khoa học và phương pháp luận mác-xít trong chủ nghĩa Mác - Lênin.

Bản thân các quy luật, nguyên lý trong chủ nghĩa Mác - Lênin vừa có ý nghĩa thế giới quan, vừa có ý nghĩa phương pháp luận.

Thế giới quan duy vật biện chứng giúp con người hiểu rõ bản chất của thế giới là vật chất. Thế giới tự nhiên, xã hội và tư duy vận động, biến đổi theo những quy luật khách quan. Con người thông qua hoạt động thực tiễn có thể nhận thức, giải thích, cải tạo thế giới, làm chủ thế giới.

Phương pháp luận đúng đắn giúp xem xét sự vật, hiện tượng một cách khách quan, phân tích cụ thể theo tinh thần biện chứng. Sự thống nhất giữa thế giới quan và phương pháp luận đã đưa chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành một hệ thống lý luận mang tính khoa học sâu sắc và cách mạng triệt để.

- Là học thuyết duy nhất nêu lên mục tiêu giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người với con đường, lực lượng, phương thức đạt mục tiêu đó.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ rõ quần chúng nhân dân là chủ nhân của xã hội, là người sáng tạo ra lịch sử. Điều đó đem lại cho loài người, đặc biệt là giai cấp công nhân, nhân dân lao động những công cụ nhận thức và cải tạo thế giới.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ tư tưởng của giai cấp vô sản, là vũ khí lý luận sắc bén của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp mình, giải phóng toàn xã hội và giải phóng con người.

Chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ giải thích mà còn vạch ra con đường, những phương tiện cải tạo thế giới.

Ra đời trong thực tiễn đấu tranh của phong trào công nhân, chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định mối liên hệ hữu cơ, biện chứng giữa lý luận cách mạng và thực tiễn cách mạng. C. Mác viết: *"Vũ khí của sự phê phán cố nhiên không thể thay thế được sự phê phán của vũ khí, lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bằng lực lượng vật chất; nhưng lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất, một khi nó thâm nhập vào quần chúng"*¹.

¹ C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1; tr. 580.

- *Chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết mở, không ngừng tự đổi mới, tự phát triển trong hệ thống tri thức của nhân loại.*

Mang bản chất khoa học, nên chủ nghĩa Mác- Lênin không phải là một hệ thống các nguyên lý giáo điều, bất biến mà gắn với quá trình phát triển của tri thức nhân loại và phong trào cách mạng trên thế giới. Chính C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin đã nhiều lần khẳng định học thuyết của các ông không phải là cái đã xong xuôi hẳn, còn nhiều điều các ông chưa có điều kiện, thời gian, cơ hội nghiên cứu. Phát triển lý luận Mác - Lênin là trách nhiệm của các thế hệ kế tiếp sau, của những người mác-xít chân chính. Ngay bản thân các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin trong quá trình nghiên cứu và hoạt động trong phong trào công nhân cũng đã điều chỉnh một số luận điểm của mình.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết mở. Vì vậy, nó không bao giờ là một học thuyết lý luận cứng nhắc và giáo điều. Thế hệ này nối tiếp thế hệ khác tiếp thu, vận dụng và phát triển sáng tạo các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, làm cho học thuyết của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin ngày càng được bổ sung và hoàn thiện.

Toàn bộ học thuyết Mác - Lênin có giá trị bền vững, xét trong tinh thần biện chứng, nhân đạo và hệ thống tư tưởng cốt lõi của nó. Đó là những kết tinh trí tuệ của nhân loại trong lịch sử để ngày càng phát triển và hoàn thiện.

2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin

2.1. Triết học Mác – Lênin

Chủ nghĩa duy vật biện chứng

- *Tìm hiểu bản chất của thế giới* là một trong những vấn đề cơ bản của triết học. *Chủ nghĩa duy vật* đã qua hàng nghìn năm phát triển, từ duy vật chất phác thời cổ đại, duy vật siêu hình thời cận đại và chủ nghĩa duy vật biện chứng do C.Mác và Ph.Ăngghen sáng lập. Đây là trường phái triết học lớn được xây dựng trên cơ sở quan điểm coi nguồn gốc, bản chất của mọi sự tồn tại trong thế giới là vật chất. Vật chất là cái có trước, ý thức là cái có sau, vật chất quyết định ý thức, còn ý thức chỉ là sự phản ánh một phần thế giới vật chất vào đầu óc con người.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng quan niệm mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới biểu hiện rất đa dạng, phong phú khác nhau nhưng đều có chung bản chất vật chất. V.I. Lênin định nghĩa: "*Vật chất là một phạm trù triết học, dùng để chỉ thực tại khách quan, được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác*"².

Định nghĩa này có thể hiểu theo nghĩa cơ bản sau:

Thứ nhất, với tư cách là phạm trù triết học (phân biệt với các khái niệm hay phạm trù của các khoa học cụ thể khác) dùng để chỉ mọi thực tại khách quan. Thực tại đó biểu hiện sự tồn tại của nó dưới các hình thức cụ thể là các sự vật, hiện tượng tồn tại khách quan, độc lập với ý thức của con người, không phụ thuộc vào ý thức của con người.

Hai là, thuộc tính cơ bản nhất, chung nhất của các dạng vật chất là tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào cảm giác, ý thức của con người. Có thể hiểu mọi thứ tồn tại khách quan đều là vật chất.

Ba là, vật chất tồn tại khách quan thông qua các sự vật cụ thể. Khi vật chất tác động vào giác quan, gây nên cảm giác. Được cảm giác của chúng ta ghi lại. Vì vậy con người có khả năng nhận thức được thế giới. Với ý nghĩa đó, vật chất phải là cái có trước; còn cảm giác, ý thức của con người là cái có sau, là cái phụ thuộc vào vật chất, chỉ là sự phản ánh đối với vật chất, có nguồn gốc từ vật chất.

Định nghĩa vật chất của Lênin đã giải quyết được vấn đề cơ bản của triết học theo lập trường duy vật biện chứng, mở đường cho các ngành khoa học cụ thể đi sâu nghiên cứu thế giới, tìm thêm những dạng mới của vật chất, đem lại niềm tin cho con người trong việc nhận thức thế giới và cải tạo thế giới.

- *Các phương thức tồn tại của vật chất*

+ *Vận động của vật chất*

Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, "vận động là một phương thức tồn tại của vật chất, bao gồm tất cả mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ kể từ sự thay đổi vị trí đơn giản cho đến tư duy

Ph. Ăngghen đã chia vận động thành 5 hình thức cơ bản là vận động cơ học, lý học, hoá học, sinh học và vận động xã hội.

² V.I. Lênin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ. M. 1980. T 18. tr . 151

Vận động là tuyệt đối, đứng im là tương đối là một trong những nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật. Vận động là tuyệt đối vì vận động là phương thức tồn tại của vật chất, là thuộc tính cố hữu của vật chất. Không ở đâu, không lúc nào có vật chất mà lại không có sự vận động.

Đứng im là tương đối vì nó chỉ xảy ra với một hình thức vận động, có tính chất cá biệt, chỉ xảy ra trong một quan hệ nhất định. Không có đứng im tương đối thì không thể có những sự vật cụ thể, xác định và con người không thể nhận thức được bất cứ cái gì. Trong đứng im vẫn có vận động, nên đứng im là tương đối.

Ý nghĩa của vấn đề: cho ta cách nhìn sự vật một cách toàn diện, phát triển trong trạng thái động; không cứng nhắc, cố định khi tình hình đã thay đổi.

+ *Không gian và thời gian*

Khái niệm không gian dùng để chỉ vị trí tồn tại của sự vật, hiện và kết cấu hình dạng của chúng; còn khái niệm thời gian dùng để chỉ quá trình vận động, biến đổi của các sự vật, hiện tượng.

Ý nghĩa của vấn đề: là muốn nhận thức đúng sự vật, hiện tượng, nhất thiết phải có quan điểm lịch sử cụ thể, xem xét nó trong không gian, thời gian nhất định.

- *Tính thống nhất của thế giới*

Tính thống nhất của thế giới là ở tính vật chất của nó. Tính chất ấy tồn tại khách quan, độc lập với ý thức. Thế giới vật chất là vô tận, vận động, chuyển hoá lẫn nhau. Tất cả đều là nguyên nhân, đều là kết quả của nhau, đều là vật chất. Mỗi lĩnh vực của giới tự nhiên hay xã hội dù hình thức biểu hiện ở những dạng cụ thể khác nhau chúng đều là vật chất, có nguồn gốc vật chất; liên hệ, kết cấu và đều chịu chi phối bởi những quy luật chung, khách quan của thế giới vật chất.

Các học thuyết về khoa học tự nhiên như thuyết tiến hóa của các loài, học thuyết về tế bào, học thuyết tiến hóa và bảo toàn năng lượng... đã chứng minh thế giới có các mối liên hệ với nhau và thống nhất với nhau ở tính vật chất. Sự ra đời chủ nghĩa duy vật biện chứng; phép biện chứng duy vật, đặc biệt là chủ nghĩa duy vật lịch sử chứng minh xã hội loài người ra đời từ tự nhiên, là sự phát triển liên tục của tự nhiên đã khẳng định tính thống nhất của thế giới ở tính vật chất của nó không chỉ trong tự nhiên, mà cả trong xã hội.

Ý nghĩa của vấn đề: là trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, mỗi người phải từ bản thân sự vật, hiện thực khách quan mà phân tích, xem xét nó trong mối quan hệ giữa cái cục bộ, cái riêng lẻ thống nhất trong cái toàn thể, cái chung, không được chủ quan kết luận.

- **Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về ý thức**

+ **Nguồn gốc và bản chất của ý thức**

Bản chất của ý thức là sự phản ánh thế giới khách quan vào óc người và cái biến đổi; là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Do tâm, sinh lý, mục đích, yêu cầu và điều kiện hoàn cảnh chủ quan của con người khác nhau nên dù cùng hiện thực khách quan nhưng ý thức con người có thể khác nhau.

Phản ánh vào bộ óc người là sự phản ánh đặc biệt của ý thức theo trình tự trao đổi thông tin giữa chủ thể và đối tượng. Phản ánh đó mang tính chủ động, sáng tạo; không y nguyên như chụp, chép, mà có chọn lọc theo mục đích, lợi ích của con người; có sự kết hợp cảm giác lẫn tư duy, trực tiếp lẫn gián tiếp, hiện tại lẫn quá khứ và tương lai; phản ánh vừa có tính cụ thể hoá, vừa có tính khái quát hoá.

+ **Quan hệ giữa vật chất và ý thức:**

Vật chất quyết định ý thức: Ý thức dù có năng động, có vai trò to lớn đến đâu, xét đến cùng bao giờ cũng do vật chất quyết định. Vật chất là tiền đề, là cơ sở và nguồn gốc cho sự ra đời, tồn tại và phát triển của ý thức. Điều kiện vật chất thế nào thì ý thức như thế đó. Khi cơ sở, điều kiện vật chất thay đổi thì ý thức cũng thay đổi theo. Vật chất quyết định ý thức là quyết định cả nội dung, bản chất và khuynh hướng vận động, phát triển của ý thức.

Ý thức tác động trở lại vật chất: Ý thức do vật chất sinh ra và quyết định nhưng ý thức có tác động to lớn đối với vật chất. Ý thức giúp con người hiểu được bản chất, quy luật vận động phát triển của sự vật, hiện tượng để hình thành phương hướng, mục tiêu và những phương pháp, cách thức thực hiện phương hướng, mục tiêu đó. Nhờ có ý thức, con người biết lựa chọn những khả năng phù hợp thúc đẩy sự vật phát triển. Vai trò của ý thức đối với vật chất, thực chất là vai trò hoạt động thực tiễn của con người.

Sự tác động trở lại của ý thức đối với vật chất được thể hiện qua sự định hướng của ý thức đối với hoạt động thực tiễn cải tạo tự nhiên và xã hội. Đồng thời,

từ ý thức, con người xây dựng nên các phương pháp cho hoạt động thực tiễn để cải tạo hoàn cảnh khách quan. Có thể khẳng định ý thức, đặc biệt là yếu tố tri thức có vai trò quyết định sự thành công hay thất bại của một hoạt động thực tiễn.

Ý nghĩa của vấn đề: Để đảm bảo sự thành công của hoạt động nhận thức hay thực tiễn, con người phải luôn xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng quy luật khách quan. Không nên lấy ý kiến chủ quan của mình làm căn cứ cho lý luận, hành động, dễ dẫn đến sai lầm và thất bại. Mặt khác, cần phải phát huy tính năng động chủ quan, tính sáng tạo của con người, phát huy tác động tích cực của ý thức, không trông chờ, ỷ lại trong nhận thức và hành động cải tạo thế giới.

- Phép biện chứng duy vật

Phép biện chứng duy vật là lý luận khoa học về các mối liên hệ phổ biến về sự vận động, phát triển của mọi sự vật, hiện tượng, là những quy luật chung nhất, phổ biến nhất của mọi quá trình vận động, phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy. Phép biện chứng duy vật bao gồm hai nguyên lý cơ bản; sáu cặp phạm trù³ và ba quy luật cơ bản.

Hai nguyên lý cơ bản:

+ Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

Thế giới có vô vàn các sự vật, hiện tượng nhưng chúng tồn tại trong mối liên hệ trực tiếp hay gián tiếp với nhau; tức là chúng luôn luôn tồn tại trong sự quy định lẫn nhau, tác động lẫn nhau và làm biến đổi lẫn nhau. Mặt khác, mỗi sự vật hay hiện tượng của thế giới cũng là một hệ thống, được cấu thành từ nhiều yếu tố, nhiều mặt... tồn tại trong mối liên hệ ràng buộc lẫn nhau, chỉ phối và làm biến đổi lẫn nhau.

Ý nghĩa của vấn đề: Khi nhận thức mỗi người phải có quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử - cụ thể, xem xét kỹ các mối liên hệ bản chất, bên trong sự vật, hiện tượng; cần tránh cách nhìn phiến diện, một chiều, chung chung trong việc nhận thức, giải quyết mọi vấn đề trong thực tiễn cuộc sống và công việc.

+ Nguyên lý về sự phát triển

³Sáu cặp phạm trù cơ bản làm rõ một cách cụ thể nguyên lý về mối liên hệ nhất phổ biến. Đó là các phạm trù: cái chung và cái riêng, bản chất và hiện tượng, tất nhiên và ngẫu nhiên, nội dung và hình thức, nguyên nhân và kết quả, khả năng và hiện thực.
- Trong chương trình của cao đẳng, không giới thiệu các nội dung này.

Mọi sự vật, hiện tượng luôn luôn vận động và phát triển không ngừng. Vận động và phát triển không đồng nghĩa như nhau. Có những vận động diễn ra theo khuynh hướng đi lên, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện. Có khuynh hướng vận động thụt lùi, đi xuống nhưng nó là tiền đề, là điều kiện cho sự vận động đi lên. Có khuynh hướng vận động theo vòng tròn khép kín.

Phát triển là khuynh hướng vận động từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện theo chiều hướng đi lên của sự vật, hiện tượng; là quá trình hoàn thiện về chất và nâng cao trình độ của chúng. *Phát triển* là khuynh hướng chung của thế giới và nó có tính phổ biến, được thể hiện trên mọi lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy.

Ý nghĩa của vấn đề: Nguyên lý về sự phát triển giúp chúng ta nhận thức sự vật, hiện tượng theo hướng vận động phát triển, tránh được cách nhìn phiến diện với tư tưởng định kiến, bảo thủ. Mỗi thành công hay thất bại được xem xét khách quan, toàn diện để có tư tưởng lạc quan, tin tưởng tìm hướng giải quyết theo hướng tốt lên.

- *Những quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật*

+ *Về nhận thức quy luật*

Quy luật là những mối liên hệ bản chất, tất nhiên, bên trong, có tính phổ biến và được lặp đi lặp lại giữa các mặt, các yếu tố trong cùng một sự vật, hiện tượng, hay giữa các sự vật hiện tượng.

Trong thế giới khách quan có nhiều quy luật khác nhau. Có những quy luật chung, phổ biến tác động trong mọi lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy. Có những quy luật riêng, quy luật đặc thù chỉ tác động một hay một số mặt trong một lĩnh vực nào đó. Dù là quy luật tự nhiên hay quy luật xã hội đều có tính khách quan.

Ý nghĩa của vấn đề: Việc con người nhận thức được quy luật sẽ có thể chủ động vận dụng quy luật, tạo ra những điều kiện thuận lợi, hoặc hạn chế tác hại của quy luật để phục vụ nhu cầu lợi ích của mình.

+ *Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập*

Đây là một trong ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật, vạch ra nguồn gốc động lực của sự phát triển và là hạt nhân của phép biện chứng duy vật.

Mặt đối lập là những mặt có tính chất trái ngược nhau nhưng chúng tồn tại trong sự quy định lẫn nhau.

Sự vật, hiện tượng nào cũng là thể thống nhất của các mặt đối lập. Từ mặt đối lập mà hình thành mâu thuẫn biện chứng- mâu thuẫn bao hàm sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập. Các mặt đối lập liên hệ với nhau, thâm nhập vào nhau, tác động qua lại lẫn nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau, bài trừ, phủ định lẫn nhau.

Các mặt đối lập trong mỗi sự vật vừa thống nhất lại vừa đấu tranh tác động, bài trừ phủ định nhau. Sự đấu tranh đó đưa đến sự chuyển hoá làm thay đổi mỗi mặt đối lập hoặc cả hai mặt đối lập, chuyển lên trình độ cao hơn hoặc cả hai mặt đối lập cũ mất đi, hình thành hai mặt đối lập mới. Do đó, có thể nói: sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập là nguồn gốc và động lực cơ bản của mọi sự vận động và phát triển.

Sự thống nhất các mặt đối lập là tương đối. Bất cứ sự thống nhất nào cũng là sự thống nhất có điều kiện, tạm thời, thoáng qua, gắn với đứng im tương đối của sự vật. Đứng im là thời điểm các mặt đối lập có sự phù hợp, đồng nhất, tác dụng ngang nhau. Đây là trạng thái cân bằng giữa các mặt đối lập.

Đấu tranh là tuyệt đối vì nó diễn ra liên tục không bao giờ ngừng, trong suốt quá trình tồn tại các mặt đối lập, từ đầu đến cuối. Trong thống nhất có đấu tranh. Đấu tranh gắn liền với vận động mà vận động của vật chất là tuyệt đối nên đấu tranh cũng là tuyệt đối.

Ý nghĩa của quy luật: Muốn nhận thức được nguồn gốc và bản chất của mọi sự vận động, phát triển thì cần phải nghiên cứu, phát hiện và sử dụng được sự thống nhất và đấu tranh của chúng. Trong nhận thức và thực tiễn phải phát hiện được những mâu thuẫn của sự vật hiện tượng, biết phân loại mâu thuẫn, có các biện pháp để giải quyết mâu thuẫn thích hợp. Phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết mâu thuẫn.

+ *Quy luật chuyển hoá từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại*

Mỗi sự vật, hiện tượng đều gồm hai mặt đối lập chất và lượng. Chất là chỉ các thuộc tính khách quan, vốn có của các sự vật, hiện tượng; còn lượng là chỉ số lượng các yếu tố cấu thành, quy mô tồn tại và tốc độ, nhịp điệu biến đổi của chúng.

Trong mỗi sự vật, hiện tượng, chất và lượng tồn tại trong tính quy định lẫn nhau, không có chất hay lượng tồn tại tách rời nhau. Tương ứng với một lượng (hay một loại lượng) thì cũng có một chất (hay loại chất) nhất định và ngược lại. Vì vậy, những sự thay đổi về lượng đều có khả năng dẫn tới những sự thay đổi về chất tương ứng và ngược lại, những sự biến đổi về chất của sự vật lại có thể tạo ra những khả năng dẫn tới những biến đổi mới về lượng của nó. Sự tác động qua lại ấy tạo ra phương thức cơ bản của các quá trình vận động, phát triển của các sự vật, hiện tượng.

Sự thống nhất giữa lượng và chất, được thể hiện trong giới hạn nhảy định gọi là độ. Độ là giới hạn trong đó có sự thống nhất giữa lượng và chất mà ở đó đã có sự biến đổi về lượng nhưng chưa có sự thay đổi về chất; sự vật khi đó còn là nó, chưa là cái khác. Đến điểm nút, qua bước nhảy bắt đầu có sự thay đổi về chất. Sự vật biến đổi hoàn toàn về chất thành sự vật khác.

Chất là mặt tương đối ổn định, lượng là mặt thường xuyên biến đổi. Lượng biến đổi mâu thuẫn, phá vỡ chất cũ, chất mới ra đời với lượng mới. Lượng mới lại tiếp tục biến đổi đến giới hạn nào đó lại phá vỡ chất cũ thông qua bước nhảy. Quá trình cứ thế tiếp diễn tạo nên cách thức vận động phát triển thống nhất giữa tính liên tục và tính đứt đoạn trong sự vận động phát triển của sự vật.

Ý nghĩa của quy luật: Con người nhận thức và hoạt động thực tiễn phải tích lũy lượng để thực hiện biến đổi về chất (“tích tiểu thành đại”, “góp gió thành bão”) của các sự vật hiện tượng, khắc phục được khuynh hướng chủ quan, duy ý chí, muốn các bước nhảy liên tục. Mặt khác, cần khắc phục tư tưởng hữu khuynh, ngại khó khăn, lo sợ không dám thực hiện những bước nhảy vọt khi có đủ điều kiện. Trong hoạt động thực tiễn, cần tích cực chuẩn bị kỹ mọi điều kiện chủ quan. Khi có tình thế, thời cơ khách quan thì kiên quyết tổ chức thực hiện bước nhảy để giành thắng lợi quyết định.

+ *Quy luật phủ định của phủ định*

Quy luật này vạch ra khuynh hướng vận động, phát triển của sự vật. Thế giới vật chất tồn tại, vận động phát triển không ngừng. Sự vật hiện tượng nào đó xuất hiện, mất đi, thay thế bằng sự vật, hiện tượng khác. Sự thay thế đó gọi là phủ định.

Phủ định biện chứng có đặc trưng cơ bản là sự tự phủ định do mâu thuẫn bên trong, vốn có của sự vật; là phủ định gắn liền với sự vận động phát triển. Phủ định biện chứng là phủ định có sự kế thừa yếu tố tích cực của sự vật cũ và được cải biến đi cho phù hợp với cái mới. Không có kế thừa thì không có phát triển nhưng là kế thừa có chọn lọc. Phủ định biện chứng là sự phủ định vô tận. Cái mới phủ định cái cũ, nhưng cái mới không phải là mới mãi, nó sẽ cũ đi và bị cái mới khác phủ định; không có lần phủ định nào là phủ định cuối cùng. Phủ định biện chứng gắn với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể; mỗi loại sự vật có phương thức phủ định riêng. Phủ định trong tự nhiên khác với phủ định trong xã hội, và cũng khác với phủ định trong tư duy.

Sự vật nào vận động phát triển cũng có tính chu kỳ. Sự vật khác nhau thì chu kỳ, nhịp điệu vận động phát triển dài, ngắn khác nhau. Tính chu kỳ của sự phát triển là từ một điểm xuất phát, trải qua một số lần phủ định, sự vật dường như quay trở lại điểm xuất phát nhưng cao hơn. Mỗi lần phủ định là kết quả của sự đấu tranh và chuyển hoá các mặt đối lập. Phủ định lần thứ nhất làm cho sự vật trở thành cái đối lập với chính nó. Phủ định lần thứ hai sự vật mới ra đời, đối lập với cái đối lập, nên sự vật dường như quay lại cái cũ, nhưng trên cơ sở cao hơn.

Phép biện chứng duy vật khẳng định vận động phát triển đi lên, là xu hướng chung của thế giới, nhưng không diễn ra theo đường thẳng, mà diễn ra theo đường xoáy ốc quanh co phức tạp. Trong điều kiện nhất định, cái cũ tuy đã cũ, nhưng còn có những yếu tố vẫn mạnh hơn cái mới. Cái mới còn non nớt chưa có khả năng thắng ngay cái cũ. Có thể có lúc, có nơi, cái mới hợp với quy luật của sự phát triển, nhưng vẫn bị cái cũ gây khó khăn, cản bước phát triển.

Ý nghĩa của quy luật: Khi xem xét sự vận động phát triển của sự vật, phải xem xét nó trong quan hệ cái mới ra đời từ cái cũ, cái tiến bộ ra đời từ cái lạc hậu, con người phải tôn trọng tính khách quan, chống phủ định sạch trơn, hoặc kế thừa không có chọn lọc. Mỗi người cần bình vực, ủng hộ cái mới, tin tưởng vào cái mới tiến bộ. Khi có những bước thoái trào cần xem xét kỹ lưỡng, phân tích nguyên nhân, tìm cách khắc phục để từ đó có niềm tin tưởng vào thắng lợi.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử

Chủ nghĩa duy vật lịch sử là một nội dung lý luận triết học đặc biệt quan trọng trong chủ nghĩa Mác - Lênin, đó là phần lý luận triết học về xã hội và lịch sử nhân loại nhằm chỉ rõ cơ sở vật chất của đời sống xã hội và những quy luật cơ bản của quá trình vận động, phát triển của xã hội.

Vai trò của sản xuất và phương thức sản xuất trong đời sống xã hội

- Vai trò của sản xuất

Con người sáng tạo ra lịch sử và là chủ thể của lịch sử. Để tồn tại và phát triển, trước tiên con người phải ăn uống, ở và mặc trước khi có thể lo chuyện làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo... Muốn vậy, họ phải lao động sản xuất ra của cải vật chất. Sản xuất vật chất là yêu cầu khách quan, là cơ sở của sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội; từ đó mới hình thành các quan điểm tư tưởng, quan hệ xã hội và các thiết chế xã hội khác nhau. Sản xuất vật chất là cơ sở của mọi sự tiến bộ xã hội.

Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ nguyên nhân và động lực của sự phát triển xã hội chính là do sự phát triển của sản xuất vật chất. Sản xuất ra của cải vật chất là yêu cầu khách quan của sự tồn tại và phát triển xã hội.

- Vai trò của phương thức sản xuất

Phương thức sản xuất là cách thức tiến hành sản xuất vật chất trong một giai đoạn nhất định của lịch sử. Mỗi phương thức sản xuất gồm hai mặt cấu thành là lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Lực lượng sản xuất là mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên, là trình độ chinh phục tự nhiên của con người, là mặt tự nhiên của phương thức sản xuất. Lực lượng sản xuất bao gồm tư liệu sản xuất và người lao động. Tư liệu sản xuất bao gồm đối tượng lao động và công cụ lao động, trong đó công cụ lao động là yếu tố động nhất, luôn đổi mới theo tiến trình phát triển khách quan của sản xuất vật chất.

Quan hệ sản xuất là mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất, là mặt xã hội của phương thức sản xuất. Quan hệ sản xuất bao gồm quan hệ sở hữu của người lao động đối với tư liệu sản xuất, quan hệ của họ trong quá trình tổ chức, quản lý và phân công lao động; quan hệ của họ trong phân phối sản phẩm

lao động. Ba mặt đó có quan hệ hữu cơ với nhau, trong đó quan hệ sở hữu của người lao động đối với tư liệu sản xuất là mặt quyết định các mối quan hệ khác.

Phương thức sản xuất quyết định tính chất của xã hội. Xã hội là do những con người với các hoạt động của mình tạo ra. Nhưng con người không thể tùy ý lựa chọn chế độ xã hội cho mình. Những vĩ nhân hay nhà nước, những tư tưởng, học thuyết khoa học không thể áp đặt được chế độ xã hội. Sự ra đời một chế độ xã hội trong lịch sử do yếu tố hoàn toàn khách quan là phương thức sản xuất quyết định. Phương thức sản xuất phong kiến quyết định tính chất của xã hội phong kiến. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa quyết định tính chất của chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa...v.v.

Phương thức sản xuất quyết định tổ chức kết cấu của xã hội. Tổ chức kết cấu của xã hội bao gồm các tổ chức kinh tế, quan điểm tư tưởng, giai cấp, đảng phái, nhà nước, thiết chế xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội khác. Tổ chức kết cấu ấy không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người mà do phương thức sản xuất quyết định. Mỗi phương thức sản xuất khác nhau sinh ra một kiểu tổ chức kết cấu xã hội khác nhau.

Phương thức sản xuất quyết định sự chuyển hoá của xã hội loài người qua các giai đoạn lịch sử khác nhau. Lịch sử xã hội loài người là lịch sử phát triển của sản xuất, thực chất là sự phát triển của các phương thức sản xuất.

Khi phương thức sản xuất cũ mất đi, phương thức sản xuất mới ra đời thì chế độ xã hội cũ mất theo và chế độ xã hội mới sẽ ra đời. Loài người đã trải qua năm phương thức sản xuất, tương ứng với nó là năm chế độ xã hội là chế độ cộng sản nguyên thủy, chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư bản chủ nghĩa và cuối cùng là chế độ cộng sản chủ nghĩa (giai đoạn thấp của nó là xã hội chủ nghĩa).

Ý nghĩa của vấn đề: Khi nghiên cứu mọi hiện tượng xã hội phải đi tìm nguồn gốc phát sinh từ phương thức sản xuất, từ tất yếu kinh tế. Nhận thức đúng vai trò của phương thức sản xuất trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta chủ trương phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với kinh tế tri thức.

Những quy luật cơ bản của sự vận động và phát triển xã hội

+ *Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất*

Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất

Lực lượng sản xuất như thế nào về trình độ thì quan hệ sản xuất phù hợp như thế ấy. Trình độ lực lượng sản xuất thủ công, với công cụ thô sơ có tính chất cá nhân thì phù hợp với nó là quan hệ sản xuất cá thể. Khi trình độ lực lượng sản xuất thay đổi thì quan hệ sản xuất cũng thay đổi theo. Do con người luôn tích lũy sáng kiến và kinh nghiệm, luôn cải tiến công cụ và phương pháp sản xuất nên lực lượng sản xuất luôn phát triển.

Ngày nay, khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức kinh tế tri thức phát triển đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Lực lượng sản xuất phát triển đến mức độ nào đó mà quan hệ sản xuất cũ không còn phù hợp nữa nó sẽ cản trở hoặc mâu thuẫn gay gắt với lực lượng sản xuất. Để tiếp tục phát triển, lực lượng sản xuất phải phá vỡ quan hệ sản xuất cũ, thiết lập quan hệ sản xuất mới, phù hợp với trình độ mới của lực lượng sản xuất.

Vai trò tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất

Nếu quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất thì nó thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Quan hệ sản xuất không phù hợp thì nó kìm hãm, thậm chí phá vỡ lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất là phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất khi nó tạo ra những tiền đề, những điều kiện cho các yếu tố của lực lượng sản xuất (người lao động, công cụ, đối tượng lao động) kết hợp với nhau một cách hài hoà để sản xuất phát triển và đưa lại năng suất lao động cao.

Sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất không phải chỉ thực hiện một lần là xong mà diễn ra cả một quá trình. Mỗi khi sự phù hợp quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất bị phá vỡ là mỗi lần điều chỉnh, thay bằng sự phù hợp khác cao hơn.

Ý nghĩa của vấn đề: Ở đâu có đối tượng lao động thì ở đó cần có người lao động và công cụ lao động tương ứng với trình độ, kỹ năng của người lao động. Phải làm rõ các quan hệ sở hữu, cách thức tổ chức quản lý quá trình sản xuất và các hình thức phân phối phù hợp mới thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

+ Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

Cơ sở hạ tầng là toàn bộ những quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định, bao gồm quan hệ sản xuất thống trị, quan hệ sản xuất còn lại của hình thái kinh tế - xã hội trước và quan hệ sản xuất của hình thái kinh tế - xã hội tương lai. Trong ba loại quan hệ sản xuất đó thì quan hệ sản xuất thống trị là chủ đạo và chi phối các quan hệ sản xuất khác và là đặc trưng của cơ sở hạ tầng đó. Cơ sở hạ tầng có tính giai cấp.

Kiến trúc thượng tầng là toàn bộ những quan điểm tư tưởng chính trị, pháp quyền, đạo đức, nghệ thuật, tôn giáo, triết học... và những thiết chế tương ứng như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các tổ chức quần chúng..., được hình thành trên cơ sở hạ tầng nhất định và phản ánh cơ sở hạ tầng đó.

Mỗi bộ phận của kiến trúc thượng tầng có đặc trưng, quy luật vận động và mối liên hệ riêng với cơ sở hạ tầng và liên hệ tác động lẫn nhau. Trong xã hội có giai cấp, kiến trúc thượng tầng có tính chất giai cấp. Cơ sở hạ tầng thế nào thì kiến trúc thượng tầng xây dựng tương ứng. Quan hệ sản xuất nào thống trị thì tạo ra kiến trúc thượng tầng chính trị tương ứng. Khi cơ sở hạ tầng biến đổi, kiến trúc thượng tầng biến đổi theo. Biến đổi cơ sở hạ tầng, sớm hay muộn cũng dẫn tới biến đổi kiến trúc thượng tầng. Cơ sở hạ tầng cũ mất đi, cơ sở hạ tầng mới ra đời, sớm hay muộn kiến trúc thượng tầng cũ cũng mất đi và kiến trúc thượng tầng mới ra đời. Kiến trúc thượng tầng là lĩnh vực ý thức xã hội có tính chất độc lập tương đối. Khi cơ sở hạ tầng mất đi nhưng các bộ phận của kiến trúc thượng tầng mất theo không đều, có bộ phận vẫn tồn tại, thậm chí nó còn được sử dụng.

Kiến trúc thượng tầng tác động trở lại, bảo vệ cơ sở hạ tầng đã sinh ra nó. Kiến trúc thượng tầng là tiên tiến khi nó bảo vệ cơ sở hạ tầng tiến bộ và tác động thúc đẩy cơ sở hạ tầng phát triển. Kiến trúc thượng tầng bảo thủ, lạc hậu sẽ tác động kìm hãm nhất thời sự phát triển cơ sở hạ tầng; sớm hay muộn nó cũng sẽ thay thế.

Mỗi bộ phận của kiến trúc thượng tầng tác động trở lại cơ sở hạ tầng theo hình thức và mức độ khác nhau, trong đó nhà nước có vai trò quan trọng và có hiệu

lực mạnh nhất vì nhà nước là công cụ quyền lực, hiệu quả của giai cấp thống trị xã hội.

Ý nghĩa của vấn đề: Kinh tế quyết định chính trị, muốn hiểu các hiện tượng, quá trình xã hội phải xem xét cơ sở kinh tế nảy sinh các hiện tượng xã hội đó. Nhưng chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế, có khả năng thúc đẩy, phát triển kinh tế.

2.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Một trong nội dung trọng tâm của học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin là chỉ rõ các quy luật kinh tế của quá trình ra đời, phát triển và tất yếu diệt vong của xã hội tư bản chủ nghĩa trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại, trên cơ sở đó chỉ ra tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Để làm rõ điều đó, kinh tế chính trị học Mác - Lênin bắt đầu từ việc xây dựng học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư.

Học thuyết giá trị

Nội dung cơ bản của học thuyết

Học thuyết giá trị là xuất phát điểm trong toàn bộ lý luận kinh tế của C. Mác. Bằng việc phân tích hàng hoá, C. Mác vạch ra quan hệ giữa người với người thông qua quan hệ trao đổi hàng hoá, đó chính là lao động, cơ sở của giá trị hàng hoá.

Hàng hoá là sản phẩm của lao động, dùng để thoả mãn một nhu cầu nhất định nào đó của con người thông qua trao đổi mua bán. Hàng hoá có hai thuộc tính cơ bản là giá trị và giá trị sử dụng. Giá trị sử dụng của hàng hoá là công dụng của hàng hoá để thoả mãn nhu cầu nào đó của con người. Giá trị sử dụng đó do thuộc tính tự nhiên của vật thể hàng hoá quyết định. Trong kinh tế hàng hoá, giá trị sử dụng là cái mang giá trị trao đổi.

Giá trị trao đổi trước hết biểu hiện như là một quan hệ số lượng, là một tỷ lệ theo đó những giá trị sử dụng loại này được trao đổi với những giá trị sử dụng loại khác. Giá trị của hàng hoá là lượng lao động xã hội cần thiết của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá, còn giá trị trao đổi chỉ là hình thái biểu hiện của giá trị hàng hoá. Sở dĩ giá trị của hàng hoá được đo bằng thời gian lao động xã hội cần thiết, vì một loại hàng hoá đưa ra thị trường là do nhiều người sản xuất ra

nhưng mỗi người sản xuất do điều kiện sản xuất, trình độ tay nghề là không giống nhau, nên thời gian lao động cá biệt để sản xuất ra hàng hoá của họ khác nhau, do đó lượng giá trị cá biệt của hàng hoá mà từng người sản xuất ra là khác nhau. Để trao đổi hàng hoá đó với nhau, không thể căn cứ vào giá trị cá biệt của hàng hoá mà phải căn cứ vào giá trị xã hội của nó, vào lượng lao động xã hội cần thiết hay thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hoá đó.

Thời gian lao động xã hội cần thiết là thời gian cần thiết để sản xuất ra một hàng hoá trong điều kiện bình thường của xã hội, tức là với một trình độ kỹ thuật trung bình và cường độ lao động trung bình so với hoàn cảnh xã hội nhất định.

Quy luật giá trị là quy luật kinh tế căn bản của sản xuất và trao đổi hàng hoá. Ở đâu có sản xuất hàng hoá thì ở đó có sự tồn tại và phát huy tác dụng của quy luật giá trị. Trao đổi hàng hoá phải theo nguyên tắc ngang giá, dựa trên cơ sở hao phí sức lao động xã hội cần thiết. Giá trị là cơ sở của giá cả, còn giá cả là sự biểu hiện bằng tiền của giá trị, nên trước hết giá cả phụ thuộc vào giá trị. Hàng hoá nào nhiều giá trị thì giá cả của nó sẽ cao và ngược lại.

Tuy nhiên trên thị trường, ngoài giá trị, giá cả còn phụ thuộc vào các yếu tố khác như cạnh tranh, cung cầu, sức mua của người tiêu dùng... Tuy nhiên nó hoàn toàn nằm trong cơ chế hoạt động của quy luật giá trị.

Ý nghĩa của học thuyết

Nghiên cứu học thuyết giá trị, hiểu rõ quy luật giá trị sẽ có kiến thức điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá; kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, tăng năng suất lao động, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Từ đó giúp cho chúng ta hiểu rõ nguyên nhân của việc lựa chọn tự nhiên và phân hoá người sản xuất hàng hoá; nguyên nhân của sự phân hoá xã hội thành người giàu, người nghèo, tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội để có phương hướng, giải pháp khắc phục.

Học thuyết giá trị thặng dư

Nội dung cơ bản của học thuyết

Trong thế giới hàng hoá, xuất hiện loại hàng hoá đặc biệt, hàng hoá sức lao động. Khi sức lao động trở thành hàng hoá thì tiền tệ mang hình thái là tư bản trong mối quan hệ giữa nhà tư bản và lao động làm thuê và xuất hiện sự chiếm đoạt

giá trị thặng dư. Mục đích của sản xuất tư bản chủ nghĩa không phải là giá trị sử dụng, mà là giá trị, cũng không phải là giá trị đơn thuần mà là giá trị thặng dư.

Giá trị hàng hoá sức lao động là toàn bộ những tư liệu sinh hoạt cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động. Giá trị hàng hoá sức lao động bao gồm: giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết đủ để duy trì sức khoẻ của người lao động ở trạng thái bình thường; chi phí đào tạo tùy theo tính chất phức tạp của lao động; giá trị tư liệu sinh hoạt cho những người thay thế, tức con cái của công nhân. Tiền công hay tiền lương là sự biểu thị bằng tiền giá trị sức lao động, hoặc là giá cả của sức lao động.

Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động thể hiện ra trong quá trình tiêu dùng sức lao động để sản xuất ra một loại hàng hoá nào đó. Trong quá trình lao động, sức lao động tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó, phần giá trị dôi ra so với giá trị sức lao động là giá trị thặng dư.

Trên thực tế, giá trị của hàng hoá sức lao động biểu hiện bằng tiền công, tiền lương của người công nhân làm thuê do người chủ tư bản trả. Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động biểu hiện người công nhân chỉ cần dùng một phần ngày lao động để sản xuất ra một khối lượng hàng hoá ngang bằng với chi phí nuôi bản thân và nuôi gia đình mình (tiền công), phần còn lại thì làm không công, tạo ra giá trị thặng dư cho nhà tư bản, đó là nguồn gốc lợi nhuận, nguồn gốc giàu có của chủ tư bản. Đó cũng là nội dung căn bản nhất của học thuyết giá trị thặng dư.

Mục đích của các nhà tư bản là sản xuất ra giá trị thặng dư tối đa. Họ thường sử dụng hai phương pháp chủ yếu: Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối do kéo dài thời gian lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu, trong khi năng suất lao động, giá trị sức lao động và thời gian lao động tất yếu không thay đổi. Ví dụ các nhà tư bản thường sử dụng các biện pháp như kéo dài ngày lao động, tăng cường độ lao động, giảm tiền công...

Sản xuất giá trị thặng dư tương đối do rút ngắn thời gian lao động tất yếu bằng cách nâng cao năng suất lao động xã hội, nhờ đó tăng thời gian lao động thặng dư lên ngay trong điều kiện độ dài ngày lao động vẫn như cũ. Biện pháp mà các nhà tư bản thường dùng là áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ, cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động xã hội để thu nhiều giá trị thặng dư. Sản xuất

ra giá trị thặng dư là quy luật tuyệt đối, là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản. Nội dung của nó là sản xuất ra giá trị thặng dư tối đa bằng cách tăng cường bóc lột công nhân làm thuê.

Ý nghĩa của học thuyết

Học thuyết giá trị thặng dư đã bóc trần bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa; chứng minh khoa học về cách thức bóc lột của giai cấp tư sản và luận chứng những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm xoá bỏ mọi chế độ áp bức bóc lột tư bản chủ nghĩa là tất yếu.

Học thuyết giá trị thặng dư còn trang bị cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động công cụ nhận thức các quy luật kinh tế, thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, tạo ra nhiều hàng hoá... phục vụ cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa.

Học thuyết giá trị thặng dư là biểu hiện mẫu mực nghiên cứu và vận dụng quan điểm duy vật lịch sử vào sự phân tích các quá trình kinh tế trong xã hội tư bản. Nó cung cấp tri thức về lịch sử phát triển của sản xuất tư bản chủ nghĩa, là cơ sở khoa học để phân tích nguyên nhân và dự báo chiều hướng phát triển kinh tế và xã hội.

Lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Định nghĩa giai cấp công nhân

C.Mác và Ph.Ăngghen đã dùng một số thuật ngữ khác nhau về giai cấp công nhân như giai cấp vô sản, giai cấp công nhân hiện đại, giai cấp công nhân đại công nghiệp thế kỷ XIX... Các ông coi giai cấp công nhân là giai cấp của những người lao động không phải chủ sở hữu của phương tiện sản xuất mà phải bán sức lao động, tạo ra giá trị thặng dư để có tiền lương cho mình và làm giàu cho xã hội. Họ là con đẻ của nền sản xuất đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa, đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, hiện đại.

V.I.Lênin bổ sung, giai cấp công nhân sau cách mạng vô sản, giành được chính quyền đã trở thành người chủ, lãnh đạo nhân dân lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân

Thứ nhất, về phương thức lao động

Giai cấp công nhân là những tập đoàn người lao động, trực tiếp hay gián tiếp vận hành những công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại, có tính chất xã hội hoá cao.

Thứ hai, về địa vị của giai cấp công nhân trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa

Trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, người công nhân không có tư liệu sản xuất, họ phải bán sức lao động cho nhà tư bản để kiếm sống.

Về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

- Về địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa

V.I.Lênin khẳng định: “Điểm chủ yếu trong học thuyết của Mác là ở chỗ nó làm sáng rõ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa”⁴.

Nguyên vọng và lợi ích căn bản của giai cấp công nhân là xoá bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, giành lấy chính quyền, tổ chức xây dựng chế độ mới với chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất.

- Về đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân

Do địa vị kinh tế - xã hội khách quan, giai cấp công nhân có những đặc điểm chính trị - xã hội mà các giai cấp khác không thể có được.

Thứ nhất, giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến vì họ đại biểu cho phương thức sản xuất hiện đại nhất, gắn với khoa học và công nghệ tiên tiến - xu hướng của xã hội tương lai.

Thứ hai, giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để. Trong xã hội tư bản, họ luôn đi đầu đấu tranh vì không có gì để mất, nếu được thì được tất cả. Trong sản xuất, công nhân luôn đổi mới, cải cách điều kiện làm việc, nâng cao năng suất lao động. Mục đích của họ không chỉ là giải phóng mình mà còn giải phóng toàn bộ xã hội.

⁴ V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1980, t.23, tr.1.

Thứ ba, giai cấp công nhân có ý thức tổ chức kỷ luật cao vì họ lao động trong hệ thống sản xuất có tính chất dây chuyền với yêu cầu nghiêm ngặt về kỷ luật lao động và thói quen của lối sống đô thị tập trung, tuân thủ pháp luật nhà nước...

Thứ tư, giai cấp công nhân có tinh thần quốc tế vô sản vì sản xuất công nghiệp tư bản chủ nghĩa có tính chất quốc tế; lao động của họ có tính chất quốc tế. Chủ nghĩa tư bản là một lực lượng quốc tế. Muốn chiến thắng nó, cần phải có sự đoàn kết quốc tế.

Tiến trình phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội

Chủ nghĩa chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển từ thấp lên cao. Giai đoạn đầu là xã hội chủ nghĩa, giai đoạn cao là cộng sản chủ nghĩa. Trước khi đến từng giai đoạn đó là thời kỳ quá độ biến đổi từ xã hội trước sang xã hội sau.

+ *Tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội*

Để chuyển biến từ xã hội cũ sang xã hội chủ nghĩa cần có thời kỳ nhất định do các quan hệ xã hội của chủ nghĩa xã hội không tự nảy sinh và phát triển trong lòng xã hội tư bản mà là kết quả của quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Chủ nghĩa xã hội dựa trên lực lượng sản xuất phát triển cao, có năng suất hơn hẳn chủ nghĩa tư bản. Muốn vậy cần phải có thời gian để cải tạo nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa phát triển thành sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; để cho các quan hệ mới trở thành các quan hệ cơ bản, đặc trưng của xã hội mới.

+ *Đặc điểm của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là tồn tại đan xen những yếu tố của xã hội cũ và những nhân tố của xã hội mới. Cái cũ trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội chưa xoá bỏ hết, cái mới được xây dựng chưa đầy đủ, còn non yếu.*

Về kinh tế còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế, vừa thống nhất vừa cạnh tranh với nhau. Về tư tưởng văn hoá, tồn tại tư tưởng của giai cấp bóc lột vừa bị đánh đổ, tư tưởng tiểu tư sản, tâm lý tiểu nông, các yếu tố văn hoá cũ và mới, tồn tại đan xen ảnh hưởng lẫn nhau.

Các yếu tố đó vừa thống nhất, vừa đấu tranh với nhau nên cần có thời gian để giai cấp công nhân và nhân dân lao động lãnh đạo xây dựng toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội, con người mới từng bước vững chắc.

+ *Nội dung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

Trong lĩnh vực kinh tế: phát triển lực lượng sản xuất xã hội, tiến hành công nghiệp hoá để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội với những bước đi hình thức thích hợp. Đồng thời từng bước cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới trên cơ sở của quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Trong lĩnh vực chính trị: xây dựng củng cố nhà nước vô sản, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân; xây dựng Đảng cộng sản trong sạch vững mạnh đủ sức lãnh đạo cách mạng; đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, xâm hại quyền làm chủ của nhân dân; tiến hành đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hành động chống phá cách mạng của các thế lực thù địch.

Trong lĩnh vực tư tưởng - văn hoá: xây dựng nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa, kế thừa tinh hoa văn hoá dân tộc, tiếp thu có chọn lọc giá trị văn hoá nhân loại; khắc phục những tư tưởng và tâm lý ảnh hưởng tiêu cực đến sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong lĩnh vực xã hội: khắc phục những tệ nạn xã hội do xã hội cũ để lại; từng bước khắc phục sự chênh lệch phát triển giữa các vùng miền, các tầng lớp dân cư trong xã hội; từng bước xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Về xã hội xã hội chủ nghĩa

Đây là giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản, là xã hội có những đặc trưng cơ bản:

Cơ sở vật chất kỹ thuật của xã hội xã hội chủ nghĩa là nền đại công nghiệp ở trình độ cao, tạo ra năng suất lao động cao hơn hẳn năng suất lao động trong xã hội tư bản.

Có chế độ công hữu về tư liệu sản xuất; không còn chế độ người bóc lột người. Cách tổ chức lao động và kỷ luật lao động trên tinh thần tự giác, tự nguyện.

Thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động và phân phối theo phúc lợi xã hội ngày càng tăng. Là xã hội dân chủ, Nhà nước có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc.

Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, bình đẳng, phát triển toàn diện.

Về xã hội cộng sản chủ nghĩa

Chủ nghĩa Mác - Lênin dự báo về xã hội cộng sản chủ nghĩa có những đặc trưng cơ bản là: Lực lượng sản xuất phát triển rất cao, của cải xã hội trở nên dồi dào, khoa học phát triển, lao động trở thành nhu cầu của con người được giảm nhẹ, "làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu". Con người có đầy đủ các điều kiện phát triển năng lực toàn diện.

Trình độ xã hội ngày càng phát triển, không còn sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Dân chủ phát triển ở mức độ cao. Những thiết chế chính trị và pháp luật sẽ hoàn toàn mất đi, nhà nước trở thành không cần thiết, nó tự tiêu vong.

3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Vai trò của chủ nghĩa Mác- Lênin

Chủ nghĩa Mác - Lênin gồm ba bộ phận Triết học, Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Mỗi bộ phận đóng vai trò khác nhau trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội con người.

Triết học Mác - Lênin là cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, là chủ nghĩa duy vật biện chứng trong việc xem xét giới tự nhiên, đời sống xã hội và tư duy con người. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật thống nhất chặt chẽ với nhau làm cho chủ nghĩa duy vật trở nên triệt để và phép biện chứng trở thành lý luận khoa học. Nhờ đó, triết học Mác - Lênin có khả năng nhận thức đúng đắn giới tự nhiên cũng như đời sống xã hội và tư duy con người.

Triết học Mác - Lênin không chỉ là lý luận về phương pháp giải thích thế giới mà còn là lý luận về phương pháp biến đổi và cải tạo thế giới. Triết học Mác - Lênin là thế giới quan và phương pháp luận, là vũ khí lý luận sắc bén giúp giai cấp công nhân và nhân dân lao động đấu tranh xoá bỏ chế độ áp bức bóc lột, xây dựng thành công xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Kinh tế chính trị Mác - Lênin đóng vai trò là chìa khoá để nhận thức lịch sử phát triển của sản xuất vật chất nói chung, giải thích các hiện tượng các quá trình kinh tế đang diễn ra trong thực tiễn, phân tích nguyên nhân dự báo triển vọng, chiều hướng phát triển kinh tế xã hội, là cơ sở khoa học để nhận thức, đề ra và thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng.

Chủ nghĩa xã hội khoa học đóng vai trò phát hiện và luận giải về quá trình tất yếu dẫn đến sự hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, về vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về cách mạng xã hội chủ nghĩa, để thực hiện mục tiêu giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động khỏi ách áp bức bóc lột, giải phóng xã hội, tiến tới giải phóng con người. Theo Lênin chủ nghĩa xã hội khoa học theo nghĩa rộng là chủ nghĩa Mác - Lênin.

Chủ nghĩa xã hội khoa học thể hiện tập trung nhất hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, trang bị, rèn luyện cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động bản lĩnh chính trị vững vàng, tư tưởng và lập trường cách mạng trong đấu tranh giành chính quyền và trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh có hiệu quả các lực lượng, các hệ tư tưởng thù địch của các thế lực phản động chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa Mác - Lênin tiếp tục là nền tảng tư tưởng của Đảng và cách mạng nước ta

Chủ nghĩa Mác - Lênin - kết quả kế thừa tinh hoa trí tuệ của nhân loại

Chủ nghĩa Mác - Lênin - kết quả của sự tổng kết lịch sử, thực tiễn phát triển của xã hội

Chủ nghĩa Mác - Lênin - hệ thống lý luận hoàn chỉnh, chặt chẽ

Chủ nghĩa Mác - Lênin - sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan và phương pháp luận

Chủ nghĩa Mác - Lênin - học thuyết mở không ngừng đổi mới, phát triển

Trước tình hình thế giới có nhiều biến động sâu sắc. Bảo vệ, đổi mới và phát triển chủ nghĩa Mác- Lênin là yêu cầu khách quan, bắt nguồn từ bản chất cách mạng và khoa học của học thuyết. Đảng cộng sản Việt Nam với tinh thần độc lập tự chủ, vận dụng sáng tạo, bổ sung và làm phong phú lý luận chủ nghĩa Mác- Lênin trong điều kiện cụ thể của đất nước.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày nội dung chủ yếu và phân tích ý nghĩa của chủ nghĩa duy vật biện chứng?
2. Trình bày nội dung chủ yếu và phân tích ý nghĩa của chủ nghĩa duy vật lịch sử?
3. Trình bày nội dung và phân tích ý nghĩa học thuyết giá trị của chủ nghĩa Mác?
4. Trình bày nội dung chủ yếu và phân tích ý nghĩa học thuyết giá trị thặng dư của chủ nghĩa Mác?
5. Trình bày nội dung chủ yếu và phân tích ý nghĩa học thuyết chủ nghĩa tư bản độc quyền của chủ nghĩa Mác - Lênin?
6. Phân tích đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và liên hệ với thực trạng của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?
7. Trình bày tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Liên hệ làm rõ những thuận lợi và khó khăn của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?
8. Mỗi học sinh- sinh viên cần làm gì và như thế nào để nhận thức đúng về chủ nghĩa Mác - Lênin?

Bài 2:

KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

1.1. Khái niệm

Trong suốt cuộc đời hoạt động thực tiễn cách mạng, chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra rất nhiều quan điểm toàn diện và sâu sắc về cách mạng Việt Nam, với triết lý hành động, Chủ tịch Hồ Chí Minh không những đã tìm ra con đường giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người mà còn biến nó trở thành hiện thực qua thực tiễn cách mạng Việt Nam. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh dưới góc độ khoa học, Đại hội IX của Đảng đã khẳng định: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

1.2. Nguồn gốc

Thực tiễn thế giới và Việt Nam

Vào nửa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản đã phát triển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, tăng cường xâm lược thuộc địa, đặt ra khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa là đấu tranh giải phóng dân tộc.

Chủ nghĩa đế quốc và sự tranh chấp thuộc địa giữa chúng là nguyên nhân gây ra cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), đã khơi sâu, làm gay gắt thêm rất nhiều mâu thuẫn giữa các nước tư bản với tư bản, giữa tư bản với nhân dân thuộc địa, giữa giai cấp tư sản với vô sản, điều đó làm cho chủ nghĩa tư bản thế giới suy yếu, tạo điều kiện cho Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga (1917) giành được thắng lợi, mở ra thời đại mới của lịch sử loài người, thời kỳ đấu

tranh chống đế quốc, giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, trong đó có Việt Nam.

Giữa thế kỷ XIX (1858), Pháp xâm lược Việt Nam, biến nước ta trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến. Mâu thuẫn dân tộc và giai cấp ở Việt Nam ngày càng sâu sắc, phong trào yêu nước theo nhiều khuynh hướng khác nhau liên tiếp diễn ra nhưng tất cả đều thất bại. Cách mạng Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước và giai cấp, tổ chức lãnh đạo cách mạng.

Từ những bối cảnh quốc tế và Việt Nam nêu trên, Hồ Chí Minh ra quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước và từng bước hình thành tư tưởng của mình, đáp ứng đòi hỏi bức thiết của dân tộc và thời đại.

a. Chủ nghĩa Mác – Lênin

Chủ nghĩa Mác – Lênin chính là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận là nguồn gốc quan trọng nhất quyết định bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chủ nghĩa Mác – Lênin với mục tiêu có giá trị nhân văn: giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Không những vậy, chủ nghĩa Mác – Lênin còn vạch ra con đường, lực lượng và phương pháp để đạt được mục tiêu, từ đó mang lại cho con người cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc. Đây là khát vọng rất tự nhiên của con người.

Từ chủ nghĩa yêu nước, Hồ Chí Minh đã tiếp thu bản chất khoa học và cách mạng của học thuyết, vận dụng và phát triển sáng tạo vào điều kiện đặc thù của nước ta, giải quyết thành công những vấn đề cơ bản, cấp bách của cách mạng Việt Nam, khẳng định con đường cứu nước duy nhất là cách mạng vô sản. Người cũng chỉ rõ vai trò của Chủ nghĩa Mác – Lênin: Bấy giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, cách mạng nhất, chắc chắn nhất là chủ nghĩa Lênin, có thể nói, tư tưởng Hồ Chí Minh chính là “chủ nghĩa Mác – Lênin” của Việt Nam.

b. Giá trị truyền thống dân tộc

Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân sự kết tinh những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc: Chủ nghĩa yêu nước và ý chí kiên cường, bất khuất đấu tranh để dựng nước và giữ nước; tinh thần đoàn kết, nhân nghĩa; lao động cần cù, sáng tạo;

tinh thần lạc quan, yêu đời. Đây là những tài sản tinh thần to lớn, là động lực xuyên suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người: *"Lúc đầu chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba"*⁵.

Nghệ An - quê hương của Hồ Chí Minh tiêu biểu cho những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam: cần cù, chịu thương chịu khó, lối sống tiết kiệm, ý chí quyết tâm cao, nơi sản sinh cho đất nước nhiều anh hùng, hào kiệt.

Gia đình nhà Nho đã giúp Người tích lũy được nhiều tri thức, hiểu biết, mười tuổi mồ côi mẹ, Nguyễn Tất Thành sớm tự lập, có sự cảm thông sâu sắc với nỗi khổ nhục của người dân nghèo khó, mất nước.

Truyền thống dân tộc, quê hương, gia đình đã hun đúc ở Hồ Chí Minh khí phách, hoài bão và tư tưởng lớn trong quá trình tìm đường cứu dân, cứu nước.

c. Tinh hoa văn hóa nhân loại

Tư tưởng Hồ Chí Minh có sự kết hợp hài hòa những giá trị tích cực, tiếp thu có chọn lọc, phê phán các quan điểm của cả văn hóa phương đông và văn hóa phương tây, cụ thể:

Hồ Chí Minh kế thừa những mặt tích cực của Nho giáo như: Triết lý hành động, tư tưởng nhập thế, hành đạo, giúp đời; tư tưởng xây dựng một thế giới đại đồng, xã hội bình trị; triết lý nhân sinh: tu thân, dưỡng tính; đề cao văn hóa trung hiếu. Về Phật giáo, Hồ Chí Minh đã tiếp thu tư tưởng hướng thiện: từ bi, bác ái, cứu khổ, cứu nạn, yêu thương con người. Về chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn với tư tưởng: dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc hoàn toàn phù hợp với điều kiện thực tiễn của nước ta.

Hồ Chí Minh tiếp thu văn hóa dân chủ tư sản, đó là tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái của Pháp, tư tưởng dân chủ của cách mạng Mỹ về quyền con người: quyền sống, tự do và mưu cầu hạnh phúc. Về Kito giáo, Hồ Chí Minh tiếp thu tư tưởng nhân ái, yêu thương con người, hết lòng vì nhân dân.

Người đã tìm thấy điểm chung của cả phương đông và phương tây là xét đến cùng đều muốn: "Mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu phúc lợi cho xã hội".

⁵ Hồ Chí Minh: "Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin" (1960), *Tuyển tập 2*, Sự thật, Hà nội, 1980.

d. Phẩm chất và năng lực cá nhân Hồ Chí Minh

Nhân cách, phẩm chất và năng lực cá nhân Hồ Chí Minh đã tác động sâu sắc, mạnh mẽ tới sự hình thành và phát triển tư tưởng của Người, Hồ Chí Minh có nhân cách nổi trội trên những yếu tố:

- Trước hết là năng lực tư duy năng động, nhạy bén, độc lập, tự chủ nên nhanh chóng nắm bắt xu thế vận động của sự vật, hiện tượng qua quan sát trực tiếp xã hội. Nhờ đó người nhanh chóng nhận thức được con đường giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa Mác – Lênin.

- Kiên trì, bất khuất, có ý trí mãnh liệt và nghị lực phi thường trong thực hiện mục đích đã chọn. Báo *Quốc gia* của Ấn Độ đã viết: “*Đằng sau cái cốt cách dịu dàng của Cụ Hồ là một ý chí sắt thép. Dưới cái bề ngoài giản dị là một tinh thần quật khởi anh hùng không có gì uy hiếp nổi*”, Người không quản ngại vất vả, nguy hiểm, khó khăn; không sợ kẻ thù đe dọa, đấu tranh tới cùng để giành độc lập dân tộc.

- Thương yêu, quý trọng con người: Lòng yêu nước của Người gắn với yêu nhân dân lao động, quý trọng con người. Bác đối xử với người luôn có lý, có tình, tình yêu thương của Người luôn có chỗ cho tất cả mọi người, từ nhân dân nước mình cho tới cả nhân dân thế giới; đấu tranh không mệt mỏi cho sự nghiệp giải phóng con người.

Có thể nói, tư tưởng Hồ Chí Minh là sự hội tụ tất cả những giá trị tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam, tinh hoa nhân loại, ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin cùng với nhân cách đặc biệt của người chiến sĩ cách mạng; như một nhà báo nước ngoài nhận xét: “*Hồ Chí Minh là hình ảnh hoàn chỉnh của sự kết hợp: Đức khôn ngoan của Phật, lòng bác ái của Chúa, Triết học của Mác, thiên tài cách mạng của Lênin và là tình cảm của người chủ gia tộc - Tất cả đều hòa hợp trong một dáng dấp tự nhiên*”.⁶

2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

⁶Dẫn theo: Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh: *Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay*, Nxb Chính trị-Hành chính, HN, 2010, tr 654.

Trong quá trình tìm kiếm con đường giải phóng dân tộc, khảo sát các cuộc cách mạng lớn trên thế giới như cách mạng Pháp, cách mạng Mỹ và cách mạng tháng Mười Nga, Hồ Chí Minh đã nhận thấy, chỉ có cách mạng tháng Mười Nga mới mang lại tự do, bình đẳng thực sự cho nhân dân. Người đi tới kết luận con đường duy nhất để giải phóng dân tộc là cách mạng vô sản; vấn đề dân tộc phải gắn liền với vấn đề giai cấp của giai cấp vô sản; độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội, chỉ có đi lên chủ nghĩa xã hội mới củng cố, bảo vệ được độc lập dân tộc, tự do, hạnh phúc, ấm no cho nhân dân một cách vững chắc nhất.

Hồ Chí Minh nêu một chân lý có giá trị cho mọi thời đại: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, đây được coi là động lực quan trọng để nhân dân ta quyết tâm chiến đấu đến cùng và giành độc lập. Độc lập dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là phải thực hiện quyền làm chủ của nhân dân đối với Tổ quốc; quyền tự quyết định con đường phát triển của dân tộc mình; phải đảm bảo thống nhất và toàn vẹn đất nước; thực hiện đời sống hạnh phúc, tự do cho nhân dân; thực hiện quyền bình đẳng tôn trọng nhau cùng có lợi trong quan hệ với các quốc gia dân tộc khác về chính trị, kinh tế, văn hóa... Độc lập phải triệt để toàn diện và bền vững, muốn thế độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội, theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một chế độ do nhân dân lao động làm chủ; con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột và bất công; là chế độ có nền kinh tế phát triển cao; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện; là chế độ có nền văn hóa đạo đức phát triển cao trong đó người với người là bạn; các dân tộc chung sống trong hòa bình; mọi người đều có điều kiện phát huy hết tài năng.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nội dung cốt lõi xuyên suốt toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh, được thống nhất trong cả lý luận và hoạt động thực tiễn, phản ánh chính xác mục đích, lý tưởng, khát vọng của Người: nước ta được độc lập, dân ta được tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội gắn liền nhau là quy luật vận động và phát triển của các dân tộc trong thời đại hiện nay.

Qua thực tiễn hoạt động, Hồ Chí Minh nhận thấy quan hệ khăng khít của cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, Người xác định tư tưởng kết hợp sức

mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là để tạo ra sức mạnh vô tận nhằm lấy nhỏ thắng lớn trong chống đế quốc xâm lược, từ nghèo nàn lạc hậu đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua sự phát triển của tư bản chủ nghĩa. Nội dung tư tưởng đó được người nêu rõ:

Thứ nhất, cách mạng Việt Nam là một bộ phận trong cách mạng thế giới, ai làm cách mạng thế giới đều là đồng chí của Việt Nam cả, điều đó phân biệt được bạn gần, bạn xa và kẻ thù trên thế giới.

Thứ hai, phải gắn kết chặt chẽ giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong thời đại hiện nay để từ đó mới giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp một cách triệt để, Hồ Chí Minh phê phán chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi và chủ nghĩa dân tộc nước lớn, đề cao và giữ vững chủ nghĩa quốc tế vô sản, bảo vệ khối đoàn kết của cách mạng thế giới.

Thứ ba, phải giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, nhưng không quên thực hiện nghĩa vụ quốc tế của mình, Người nêu rõ, muốn người ta giúp cho trước hết phải tự giúp mình, một dân tộc không tự lực cánh sinh mà ngồi chờ các dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập. Mặt khác Người không coi nhẹ sự giúp đỡ chí tình của anh em và bạn bè quốc tế. Mỗi bước tiến của cách mạng Việt Nam đều bao hàm cả thực hiện nghĩa vụ quốc tế, giúp đỡ bạn bè cũng chính là tự giúp mình.

Thứ tư, phải mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác, sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước dân chủ; thái độ nước Việt Nam đối với những nước Á châu là một thái độ anh em, đối với ngũ cường là một thái độ bạn bè.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là cơ sở và điều kiện quan trọng để Việt Nam có thể giành độc lập dân tộc và đi lên Chủ nghĩa xã hội. Có thể nói đây là một tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh, là một vấn đề quan trọng của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh không chỉ giải quyết điều đó về lý luận mà còn tổ chức thực tiễn đạt kết quả cao.

2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

Để thay thế chế độ thực dân phong kiến tàn bạo, phản nhân tính, Hồ Chí Minh đã lựa chọn ra một kiểu nhà nước mới cho Việt Nam, đó là Nhà nước dân chủ cộng

hòa, một nhà nước đại biểu quyền lợi "cho số đông người", thể hiện tính chất nhân dân, một nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Ngay từ những ngày đầu mới thành lập nhà nước, Hồ Chí Minh đã khẳng định: nước ta là nước dân chủ, tất cả quyền hạn đều của dân. Dân chủ theo Hồ Chí Minh được hiểu là: dân là chủ và dân làm chủ. Dân là chủ có nghĩa là xác định vị thế của dân, còn dân làm chủ có nghĩa là xác định quyền, nghĩa vụ của dân, trong nhà nước của dân, với ý nghĩa đó, người dân là người nắm giữ mọi quyền lực, được hưởng mọi quyền dân chủ. Bằng thiết chế dân chủ, nhà nước phải có trách nhiệm bảo đảm quyền làm chủ của dân, còn các cơ quan nhà nước do nhân dân tổ chức ra, nhân viên nhà nước là người được ủy quyền, thực hiện ý chí nguyện vọng của nhân dân, trở thành công bộc của nhân dân. Quyền lực của nhân dân được đặt ở vị trí tối thượng, nhà nước không còn là công cụ thống trị, nô dịch dân như trong thời phong kiến, tư bản nữa, điều này có ý nghĩa thực tế nhắc nhở những người lãnh đạo, những đại biểu của nhân dân làm đúng chức trách và vị thế của mình, không phải là đứng trên nhân dân, coi khinh nhân dân, "cậy thế" với dân.

Nhà nước của dân: Tư tưởng của Hồ Chí Minh về nhà nước của dân được thể hiện rõ trong hai bản Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959. Hiến pháp năm 1946 nêu rõ: tất cả quyền bính trong nước đều là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo; những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra toàn dân phúc quyết.

Nhà nước do dân: là nhà nước do dân lập nên, do dân ủng hộ, dân làm chủ. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh nhiệm vụ của những người cách mạng là phải làm cho dân hiểu, làm cho dân giác ngộ để nâng cao được trách nhiệm làm chủ, nâng cao được ý thức trách nhiệm chăm lo xây dựng nhà nước của mình. Hồ Chí Minh khẳng định, việc nước là việc chung, mỗi người đều phải có trách nhiệm "ghé vai gánh vác một phần", quyền lợi, quyền hạn bao giờ cũng đi đôi với trách nhiệm, nghĩa vụ.

Nhà nước vì dân: là một nhà nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu, tất cả đều vì lợi ích của nhân dân, ngoài ra không có bất cứ một lợi ích nào khác. Trên tinh thần đó Hồ Chí Minh nhấn mạnh: mọi đường lối, chính sách

đều chỉ nhằm đưa lại quyền lợi cho dân; “việc gì lợi cho dân ta phải hết sức làm, việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”¹. Dân là gốc của nước, Hồ Chí Minh luôn luôn tâm niệm: phải làm cho dân có ăn, phải làm cho dân có mặc, phải làm cho dân có chỗ ở, phải làm cho dân được học hành, cả cuộc đời Người chỉ có một mục đích là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân.

Trong tự tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước ta được coi là Nhà nước của dân, do dân, vì dân nhưng lại gắn liền với bản chất của giai cấp công nhân. Nhà nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đảng của giai cấp công nhân không những thể hiện ý chí của giai cấp công nhân mà còn thể hiện ý chí của nhân dân và của toàn dân tộc, lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của toàn dân tộc là một.

Muốn Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân thì nhà nước đó phải hợp hiến, thông qua tổng tuyển cử lập: quốc hội; chính phủ và các cơ quan, bộ máy chính thức khác của Nhà nước, một bộ máy Nhà nước có đầy đủ giá trị pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề đối nội và đối ngoại ở nước ta.

Theo Hồ Chí Minh, nhà nước của dân, do dân, vì dân phải được quản lý bằng pháp luật, trong đó quan trọng bậc nhất là Hiến pháp - đạo luật cơ bản của nước nhà. Các bản Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959 đã để lại dấu ấn đậm nét những quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất, thiết chế và hoạt động của Nhà nước mới. Bên cạnh đó còn cần chú trọng đưa thần linh pháp quyền vào trong cuộc sống, điều này đòi hỏi mọi người phải hiểu và tuyệt đối chấp hành pháp luật, bất kể người đó giữ cương vị nào. Suốt cả thời kỳ giữ trọng trách Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh luôn luôn chăm lo xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa để bảo đảm quyền làm chủ thật sự của nhân dân. Chính bản thân Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Sống và làm việc theo pháp luật đã trở thành nền nếp, thành thói quen, thành lối ứng xử tự nhiên của Hồ Chí Minh. Dân chủ đích thực bao giờ cũng đi liền với kỷ cương, phép nước, tức là đi liền với thực thi Hiến pháp và pháp luật.

Để xây dựng một Nhà nước pháp quyền vững mạnh, vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức được Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm. Nói một cách tổng quát

¹Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.4, tr.56,57

nhất về yêu cầu đối với đội ngũ này là vừa có đức vừa có tài, trong đó đức là gốc; đội ngũ này phải được tổ chức hợp lý, có hiệu quả. Cần phải xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, kiên quyết đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu, đây được coi như “giặc nội xâm” cực kỳ nguy hiểm.

2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

Hồ Chí Minh coi vấn đề đoàn kết có tầm quan trọng đặc biệt, xuất phát từ truyền thống yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa, tinh thần cố kết cộng đồng của dân tộc; từ thực tiễn của phong trào cách mạng Việt Nam; từ nguyên lý Chủ nghĩa Mác – Lênin về vai trò quần chúng nhân dân trong lịch sử, Người cho rằng, đoàn kết rộng rãi lực lượng toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng là sức mạnh vô địch và vô tận làm nên mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Người nói rất nhiều đến đoàn kết, không thể đếm hết có bao nhiêu lần người nói đến đoàn kết, tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Người bao gồm:

Thứ nhất: Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thành công. Đoàn kết trước hết tạo ra sức mạnh to lớn, khi đã hợp lực lại thì “khó trăm lần dân liệu cũng xong”, dân vừa là lực lượng vật chất, vừa là sức sáng tạo của trí tuệ. Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết, được Người nêu thành chân lý, được thử thách và khẳng định trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

Thứ hai: Đoàn kết là mục tiêu là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng và của dân tộc. Trong mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng phải quán triệt tư tưởng đại đoàn kết, đó là mục tiêu và nhiệm vụ đầu tiên; đại đoàn kết toàn dân tộc còn là sự nghiệp của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh tự giải phóng.

Thứ ba: Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân, bao gồm tất cả các giai cấp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, cá nhân yêu nước; đoàn kết toàn Đảng và đoàn kết quốc tế. Điểm tương đồng về lợi ích là cơ sở của đoàn kết, đó là lợi ích của quốc gia dân tộc gắn chặt với lợi ích của nhân dân; đặt lợi ích của dân tộc cao hơn hết thảy.

Thứ tư: Đại đoàn kết dân tộc được tổ chức trong mặt trận dân tộc thống nhất. Đây là hình thức tổ chức thích hợp nhất để đoàn kết nhân dân; trong đó phải sử dụng phương pháp giáo dục thuyết phục, vận động là chủ yếu; hiệp thương; đấu

tranh phê bình trên tinh thần dân chủ là hình thức sinh hoạt của mặt trận. Mặt trận dân tộc thống nhất chính là hình thức tổ chức đội quân chính trị của quần chúng.

Thứ năm: Đảng Cộng Sản vừa là thành viên vừa là lực lượng lãnh đạo mặt trận, phải đoàn kết toàn đảng để làm nòng cốt đoàn kết trong mặt trận. Đảng lãnh đạo mặt trận là nguyên tắc hàng đầu trong xây dựng mặt trận; cùng với đó phải biết dựa trên khối công nhân liên minh với nông dân và tầng lớp trí thức vững chắc để phát huy sức mạnh toàn dân nhằm thực hiện mục tiêu cách mạng.

2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Hồ Chí Minh suốt đời phấn đấu cho độc lập dân tộc và hạnh phúc của nhân dân, chính vì vậy Người đề cao việc phải lấy phát triển kinh tế và văn hóa, từ đó nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: *“Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”⁸*.

Đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam thực chất là đi lên xây dựng và phát triển về kinh tế, ngay từ sớm Hồ Chí Minh đã chỉ ra rất sâu sắc về phương diện kinh tế của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta, từ tính tất yếu khách quan cho đến đặc điểm, nội dung và mục tiêu kinh tế của nó.

Về kinh tế: Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định rõ nhiệm vụ quan trọng nhất đó là phải phát triển kinh tế, xây dựng nền tảng vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Về cơ cấu kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương phát triển cả công nghiệp và nông nghiệp: *“Công nghiệp và nông nghiệp là như hai chân của nền kinh tế nước nhà. Chân phải thật vững thật khỏe, thì kinh tế mới tiến bộ thuận lợi và nhanh chóng”⁹*.

Về hình thức sở hữu và thành phần kinh tế: Nền kinh tế XHCN phải tạo lập trên cơ sở chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất. Tuy nhiên, ở thời kỳ quá độ, nền kinh tế đó còn tồn tại bốn hình thức sở hữu chính là: sở hữu nhà nước, sở hữu hợp tác xã, sở hữu của người lao động riêng lẻ và sở hữu của nhà tư bản. Cùng với đó là nhiều thành phần kinh tế

⁸Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr.511

⁹Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.8, tr.84

Tư tưởng kinh tế rất đặc trưng Hồ Chí Minh, đó là cần kiệm xây dựng nước nhà, tăng gia sản xuất và tiết kiệm, sản xuất đi đôi với tiết kiệm, sản xuất mà không tiết kiệm thì như gió vào nhà trống.

Về văn hóa: Hồ Chí Minh đã nhận thấy rõ vị trí đặc biệt quan trọng và ý nghĩa lớn lao của văn hóa là động lực của sự phát triển kinh tế, xã hội: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định nhiệm vụ xây dựng “một nền văn hóa mới” và chỉ rõ tính chất, đặc trưng và chức năng chủ yếu của nền văn hóa đó. Văn hóa bao gồm nhiều lĩnh vực rộng lớn và phong phú, bao gồm văn hóa chính trị, văn hóa đạo đức, văn hóa giáo dục, văn hóa nghệ thuật, văn hóa pháp luật, văn hóa lao động, đời sống văn hóa cụ thể, văn hóa lối sống...

Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Toàn dân tham gia sáng tạo văn hóa, toàn dân làm nghĩa vụ và đóng góp cho sự phát triển văn hóa, toàn dân tham gia xây dựng và tự quản đời sống văn hóa của mình và toàn dân được quyền hưởng thụ, tiếp nhận, lưu giữ và truyền bá văn hóa tốt đẹp, lành mạnh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa đã và đang là những định hướng lớn cho việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của chúng ta hiện nay

Tư tưởng đấu tranh cách mạng của Hồ Chí Minh xét đến cùng là vì mục tiêu “vì con người, vì nhân dân”, tư tưởng nhân văn này hiện nay đã trở thành mục tiêu của các chiến lược kinh tế - xã hội nước ta. Những câu nói nổi tiếng của Bác Hồ còn âm vang mãi với Đảng ta, với non sông đất nước ta: “*Chúng ta tranh được tự do độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét thì tự do độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân ăn no, mặc đủ*”¹⁰.

Chính vì vậy, khi bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ rằng “*chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn đói cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ăn no và sống một đời hạnh phúc*”¹¹. Quan tâm mục tiêu kinh tế “vì con người, vì nhân dân” là thể hiện sự

¹⁰Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr.152

¹¹Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.8, tr.603

quan tâm, chăm lo đến yếu tố động nhất, quyết định nhất của lực lượng sản xuất, động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

Vị trí của đạo đức cách mạng: Hồ Chí Minh quan niệm đạo đức là nền tảng và là sức mạnh của người cách mạng, coi đó là cái gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng thì mới lãnh đạo được nhân dân, hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang, công việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hay kém. Quan niệm lấy đức làm gốc của Hồ Chí Minh không có nghĩa là tuyệt đối hoá mặt đức, coi nhẹ mặt tài, Người cho rằng có tài mà không có đức, là người vô dụng nhưng có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó, cho nên, đức là gốc nhưng đức và tài phải kết hợp với nhau để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng

Một là: Trung với nước, hiếu với dân.

Theo Hồ Chí Minh trong những chuẩn mực chung của nền đạo đức cách mạng đây là phẩm chất quan trọng nhất, bao trùm nhất và chi phối các phẩm chất khác.

Trung với nước là trong mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng và xã hội, phải biết đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc, của cách mạng lên trên hết, trước hết; quyết tâm phấn đấu thực hiện mục tiêu cách mạng; thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Hiếu với dân là bao nhiêu quyền hạn đều ở nơi dân, bao nhiêu sức mạnh đều ở nơi dân, cán bộ, đảng viên là người công bộc, là đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Dân là chủ, Đảng của dân nên dân đối, dân đốt, dân rét, Đảng và Chính phủ đều có lỗi. Muốn hiếu với dân thì phải dựa vào dân, tin ở sức mạnh của nhân dân: *"Để mười lần không dân cũng chịu. Khó trăm lần dân liệu cũng xong"*¹². Vì vậy, mỗi cán bộ phải kính dân, gần dân, lấy dân làm gốc và phấn đấu hết lòng vì dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh.

¹²Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 12, tr.215

Trung với nước hiếu với dân vừa là lời kêu gọi hành động, vừa là định hướng chính trị - đạo đức cho mỗi người Việt Nam trong cuộc đấu tranh cách mạng và xây dựng, phát triển đất nước.

Hai là: yêu thương con người.

Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người rất toàn diện và độc đáo: Người coi con người là vốn quý nhất, suy cho cùng thì ở đời và làm người càng phải yêu nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ. Hồ Chí Minh đã xác định tình yêu thương con người là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất. Người dành tình yêu thương rộng lớn cho những người cùng khổ, những người lao động/bị áp bức bóc lột, Người viết: *"Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"*¹³.

Hồ Chí Minh yêu thương đồng bào, đồng chí của Người, không phân biệt họ ở miền xuôi hay miền ngược, là trẻ hay già, trai hay gái... không phân biệt một ai, không trừ một ai, hễ là người Việt Nam yêu nước thì đều có chỗ trong tấm lòng nhân ái của Người.

Trong Di chúc, Người căn dặn Đảng phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau, nhắc nhở mỗi cán bộ, đảng viên luôn luôn chú ý đến phẩm chất yêu thương con người.

Ba là: cần kiệm liêm chính, chí công vô tư.

Cần tức là lao động cần cù, siêng năng; lao động có kế hoạch, sáng tạo, có năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, phải thấy rõ lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của chúng ta. Cần phải là: một đức tính, phẩm chất, thói quen. Để có cần: phải rèn luyện thường xuyên; phải chống thói lười nghĩ, lười làm, ỷ lại, dựa dẫm, ham chơi, ham vui.

Kiệm tức là tiết kiệm thời gian, tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm tiền của của dân, của nước, của bản thân mình; cần tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng; phải tiết kiệm từ cái to đến cái nhỏ; không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi, không phô trương hình thức, không liên hoan, chè chén lu bù.

¹³Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 4, tr.161-162

Liêm tức là: luôn luôn tôn trọng giữ gìn của công và của dân; không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của Nhà nước, của nhân dân; phải trong sạch; không tham lam địa vị, tiền tài, sung sướng; không ham người tâng bốc mình, chỉ có một cái ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ.

Chính là: thẳng thắn, đứng đắn, quang minh chính đại. Đối với mình: không tự cao, tự đại; luôn chịu khó học tập cầu tiến bộ; luôn tự kiểm điểm để phát triển điều hay, sửa đổi điều dở của bản thân mình. Đối với người: không nịnh hót người trên, không xem khinh người dưới; luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết thật thà, không dối trá, lừa lọc. Đối với việc: để việc công lên trên, lên trước việc tư, việc nhà.

Mỗi người còn phải chí công vô tư đối với người, với việc: Khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước; khi hưởng thụ thì mình nên đi sau; phải lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ.

Cần, Kiệm, Liêm, Chính liên quan chặt chẽ với nhau và gắn với Chí công vô tư, thiếu một mặt nào đó thì không thể thành người có đạo đức cách mạng.

Bốn là: tinh thần quốc tế trong sáng.

Hồ Chí Minh đề cao tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản, đó là tinh thần đoàn kết với các dân tộc bị áp bức, với nhân dân lao động các nước; là tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam với tất cả những người tiến bộ trên thế giới vì những mục tiêu lớn của thời đại là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Nguyên tắc rèn luyện đạo đức cách mạng:

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra những nguyên tắc cơ bản để định hướng sự lãnh đạo của Đảng và việc rèn luyện của mỗi người.

Một là: Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức.

Cán bộ đảng viên phải gương mẫu “miệng nói tay làm”, phải nêu tấm gương đạo đức cách mạng trước quần chúng; cán bộ, đảng viên đi trước, làng nước theo sau. Sống theo phương châm “Mình vì mọi người, mọi người vì mình”. Cổ vũ “người tốt, việc tốt”, các điển hình tiêu biểu.

Hai là: Xây đi đôi với chống.

Xây dựng nền đạo đức cách mạng, giáo dục chuẩn mực đạo đức mới, khơi dậy ý thức tự giác, đạo đức lành mạnh ở mọi người, hướng mọi người vào cuộc

đấu tranh cho sự trong sạch, lành mạnh về đạo đức. Nâng cao đạo đức cách mạng, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân - nguồn gốc của mọi thứ tệ nạn, thứ giặc “nội xâm” phá từ trong ra, là đồng minh của kẻ thù, khó thấy, khó biết, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chế độ. Chống chủ nghĩa cá nhân là chống các bệnh trái phép, cậy thế; bệnh địa phương chủ nghĩa, bè phái, quan phiệt, quan liêu, hách dịch; bệnh nhìn trên coi thường dưới; bệnh hẹp hòi, hình thức; bệnh làm việc qua loa, vô kỷ luật; bệnh tranh giành địa vị tư lợi, lợi dụng; bệnh lười học, lười nghĩ; bệnh thích người ta tặng bốc mình; bệnh ưa sai khiến người khác; bệnh tham lam; bệnh sinh hoạt xa hoa; bệnh hữu danh vô thực; bệnh “cận thị”; bệnh ba hoa...

Ba là: Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời.

Người cũng khẳng định đạo đức không phải là thứ có sẵn trong mỗi người, không phải trên trời sa xuống, mà đạo đức là do con người tiếp thu được qua giáo dục, tự tu dưỡng và bền bỉ rèn luyện trong môi trường sống và trong đấu tranh cách mạng. Rèn luyện đạo đức là một quá trình rất gian khổ, phải xác định tư tưởng, kiên trì, tự giác, tự nguyện, đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình. Muốn rèn luyện đạo đức phải lấy tự mình làm mực thước; phải nêu tấm gương tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau; gắn với việc rèn luyện đạo đức với thực tiễn công tác của mình; phải rèn luyện thường xuyên, liên tục và suốt đời.

Học tập tư tưởng trong đạo đức Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước tiếp tục cổ động phong trào thi đua yêu nước trong thời kỳ đổi mới, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đẩy lên phong trào “người tốt việc tốt”, nêu gương sáng đạo đức cách mạng để mọi người tôn vinh và noi theo.

2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm, chăm lo đến việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau - Thế hệ trẻ, đây là việc làm rất quan trọng và cần thiết.

Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người. Hồ Chí Minh luôn coi trọng và đánh giá cao vai trò của thanh niên đối với vận mệnh đất nước, thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên: “Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời

khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội"¹⁴. Người yêu cầu Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các thế hệ đi trước phải quán triệt sâu sắc về vai trò và tầm quan trọng của công tác giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Đồng thời, Người cũng chỉ ra nhiệm vụ của thế hệ trẻ là noi gương những người đi trước, tự mình phấn đấu học tập và rèn luyện để có tri thức, có ý chí, nghị lực và tinh thần cách mạng.

Muốn xây dựng Chủ nghĩa xã hội trước hết cần phải có con người Xã hội chủ nghĩa, tức là xây dựng thế hệ tương lai, chủ thể của đất nước phải là một nhiệm vụ chiến lược, đi trước một bước so với xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Mục đích của việc chăm lo bồi dưỡng thế hệ trẻ là đào tạo ra những con người mới, những cán bộ mới cho cách mạng, những chiến sỹ cách mạng kiên cường đấu tranh vì sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Việc giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ cần phải tập trung vào những nội dung cơ bản:

Thứ nhất: Giáo dục, bồi dưỡng toàn diện cho thế hệ trẻ để thành người cán bộ vừa "hồng" vừa "chuyên".

Theo Hồ Chí Minh, chăm lo bồi dưỡng thế hệ trẻ phải toàn diện; chú trọng đủ các mặt: lý tưởng, chí khí, đạo đức cách mạng; trình độ học vấn, khoa học, kỹ thuật, quân sự; nếp sống văn hóa, giáo dục thể chất...

Trước hết và quan trọng nhất là giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh niên mà hạt nhân là giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin. Khi thanh niên sống có lý tưởng cao đẹp, có chí khí và bản lĩnh chính trị vững vàng, thì dù khó khăn gian khổ thế nào, họ vẫn nguyện suốt đời phấn đấu hy sinh cho sự nghiệp của Đảng, đem lại độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân. Cùng với cần giáo dục, bồi dưỡng về trình độ học vấn và năng lực hoạt động thực tiễn. Có tri thức, trình độ học vấn, hiểu biết về khoa học kỹ thuật là cơ sở để thế hệ trẻ nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn đáp ứng tốt yêu cầu của cách mạng, xây dựng xã hội mới.

¹⁴Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà nội, 2000 t.4, tr.167

Hồ Chí Minh coi trọng giáo dục nếp sống văn hóa và giáo dục thể chất cho thanh niên, khi khỏe cả về thể chất và tinh thần thì mới thực hiện được nhiệm vụ cách mạng

Quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho thế hệ trẻ, những nhu cầu, lợi ích chính đáng được thoả mãn là một động lực trực tiếp thúc đẩy họ hoạt động tích cực và hiệu quả.

Thứ hai: Phương châm giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ.

Giáo dục phải phù hợp với mỗi đối tượng; học phải đi đôi với hành, học mà không hành thì học vô ích, hành mà không học thì hành không trôi chảy; giáo dục phải phối hợp gia đình, nhà trường và xã hội; phải phát huy dân chủ, bình đẳng trong giáo dục; phát động phong trào thi đua.

Giáo dục, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau phải xuất phát từ yêu cầu cách mạng mỗi giai đoạn, từ thực tiễn xã hội, cần phải tuyên truyền sâu rộng về vai trò, vị trí trách nhiệm của thanh niên, cũng như tầm quan trọng của việc chăm lo bồi dưỡng thế hệ trẻ. Giáo dục cho thế hệ trẻ truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng của Đảng, đạo đức cách mạng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Định hướng cho thế hệ trẻ biết kết hợp chặt chẽ giữa yêu nước và yêu chế độ Xã hội chủ nghĩa trong hành động, thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.

3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

Tư tưởng Hồ Chí Minh gắn kết chặt chẽ với sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Dưới sự dẫn dắt trực tiếp của Người, cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này cho tới thắng lợi khác. Cho tới ngày hôm nay vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị, vẫn là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay, cần tập trung vào những vấn đề cốt lõi sau:

Kiên định mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

Trong bản Di chúc năm 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết mong muốn của Người là “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết, phấn đấu xây dựng một nước Việt

Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh"¹⁵. Đó không chỉ là mong muốn của chủ tịch Hồ Chí Minh, mà còn là ước vọng của hàng triệu người dân Việt Nam. Kế thừa tư tưởng đó của Người, Đại hội X (2006) đã khẳng định, chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng là một xã hội: "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" đây chính là mục tiêu, đích đến của Việt Nam. Để đạt được điều đó trong bối cảnh phức tạp của quốc tế và trong nước hiện nay đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Người từng đặt ra nhiệm vụ quan trọng sau khi Việt Nam giành được độc lập là phải: "*Xây dựng nền tảng vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội*"¹⁶, phát triển kinh tế chính là điều kiện đầu tiên để đạt được mục tiêu dân giàu, nước mạnh. Dân giàu được biểu hiện ở việc thu nhập của người dân mỗi ngày một tăng, đời sống vật chất và tinh thần của người dân mỗi ngày một cao hơn. Kinh tế có phát triển thì đất nước mới mạnh, có sức cạnh tranh trên trường quốc tế, vị thế Việt Nam mới không ngừng nâng cao.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển lý luận về dân chủ trong thời đại mới và đã áp dụng thành công vào xây dựng nền dân chủ mới ở Việt Nam. Dân chủ được Người thực hiện trên tất cả các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, và tất cả đều dựa trên một nguyên tắc bất di, bất dịch: quyền hành, lực lượng và lợi ích đều thuộc về nhân dân. "*Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân*"¹⁷.

Có phát huy dân chủ song hành với phát triển kinh tế mới thực sự xây dựng được một xã hội công bằng, văn minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về các vấn đề phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, phát huy dân chủ tiếp tục là ngọn cờ soi sáng con đường cách mạng Việt Nam trong quá trình đi lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội, đạt được mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đó là những mục tiêu lâu dài, không tách rời nhau, bổ sung cho nhau, mục tiêu này làm cơ sở, điều kiện, tiền đề cho mục tiêu kia, đã

¹⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - ST Hà Nội, 2000, t 12, tr.518

¹⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 10, tr 13

¹⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội, 2000, t 5, tr.698

và đang từng bước được hiện thực hóa trong quá trình đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Kiên định đường lối độc lập, tự chủ và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã suốt đời phấn đấu, hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam. Trong giai đoạn hiện nay, yêu cầu hội nhập quốc tế là cần thiết song không vì đó mà đánh mất độc lập, tự chủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói *"Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào"*¹⁸. Người còn dạy: *"Cái gốc, cái điểm mấu chốt về chính trị, quân sự, kinh tế, nội chính, ngoại giao của ta là tự lực cánh sinh"*¹⁹. Giữ vững độc lập, tự chủ vừa là đường lối, vừa là nguyên tắc bất biến để chúng ta bảo vệ tốt nhất lợi ích quốc gia, dân tộc của mình. Kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng, nhà nước và nhân dân ta luôn luôn kiên định đường lối độc lập, tự chủ và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.

Bảo đảm độc lập, tự chủ là nguyên tắc nhất quán trong hệ thống quan điểm hội nhập quốc tế của Đảng ta và là đường lối xuyên suốt trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới.

Tình hình thế giới và khu vực đang thay đổi nhanh chóng, phức tạp, ảnh hưởng sâu sắc đến xử lý mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế của nước ta, cụ thể đó là các vấn đề: khủng hoảng kinh tế; xu hướng hội nhập đa phương hóa, đa dạng hóa; cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra nhanh chóng, cùng với sự bấp bênh của môi trường kinh tế toàn cầu; môi trường chính trị và an ninh thế giới cũng biến động khó lường, ẩn chứa nhiều rủi ro cho quá trình phát triển; các vấn đề khủng bố, di dân, biến đổi khí hậu toàn cầu, nước biển dâng, các hiện tượng thời tiết cực đoan, thảm họa tự nhiên và dịch bệnh lây lan, ô nhiễm môi trường...

Vấn kiện Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định, việc quán triệt và xử lý tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của đất nước ta trong giai đoạn tới.

¹⁸ *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5, NXB CTQG, Hà Nội, 2000, trang 136.*

¹⁹ *Bộ Ngoại giao (2008), Bác Hồ và hoạt động ngoại giao - Một vài kỷ niệm về Bác, NXB CTQG, Hà Nội.*

Thứ nhất, xác định lợi ích quốc gia là mục tiêu cao nhất trong việc quán triệt, xử lý mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Độc lập, tự chủ của mỗi quốc gia gắn liền với các lợi ích cơ bản của quốc gia, dân tộc, như lời dạy của Bác: “*Mọi công việc đều vì lợi ích của dân mà làm*”²⁰.

Thứ hai, kiên định nguyên tắc độc lập, tự chủ; giữ vững phương châm đa phương hóa, đa dạng hóa trong hội nhập quốc tế; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ lợi ích, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ.

Thứ ba, tăng cường năng lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, tạo lập nền tảng để bảo đảm độc lập, tự chủ và đẩy mạnh hội nhập quốc tế. Tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước, trọng tâm là năng lực kinh tế, là định hướng cơ bản nhất để hóa giải nguy cơ mất độc lập, tự chủ và tận dụng tốt nhất các cơ hội phát triển mà hội nhập đem lại.

Việc quán triệt, xử lý thành công mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế theo quan điểm đối ngoại của Hồ Chí Minh đã góp phần quan trọng giúp đất nước ta đạt được những thành tựu phát triển to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua 30 năm đổi mới. Nước ta đã tiến vào một chiều sâu mới trong quá trình hội nhập quốc tế, thực hiện những điều chỉnh căn bản, nâng cao vị thế, quy mô và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; độc lập dân tộc được củng cố, năng lực tự chủ quốc gia được tăng cường.

4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống là nền tảng và động lực để phát triển xã hội. Đạo đức là gốc của mỗi con người. Ý thức sâu sắc về vai trò đặc biệt quan trọng của tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của đảng viên cũng như của toàn xã hội đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam nên ngay từ khi thành lập đến nay, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn đặc biệt coi trọng, quan tâm đến việc giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, phòng, chống suy thoái trong cán bộ, đảng viên và toàn xã hội.

²⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - ST Hà Nội, 2011, t 6, tr.397

Thực tiễn từ khi đổi mới đến nay, do tác động của nhiều nhân tố khách quan và chủ quan, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn biến phức tạp. Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1-1994) Đảng đã chỉ ra những biểu hiện của tình trạng này; coi đó là một trong bốn nguy cơ tụt hậu cần quan tâm đấu tranh phòng, chống. Các Đại hội Đảng tiếp theo và nhiều Hội nghị Trung ương Đảng các khóa đều có đánh giá thực trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đồng thời xác định việc ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng này là nhiệm vụ vừa cơ bản lâu dài, vừa có ý nghĩa cấp bách trước mắt./

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, ngày 15-3-2016, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu”.

Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và nhân dân ta, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một chủ trương lớn, liên tục, lâu dài của Đảng ta. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng khẳng định: “...Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; coi đó là công việc thường xuyên của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, đơn vị gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống”.

4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Phẩm chất đạo đức Hồ Chí Minh

Suốt đời vì dân, vì nước, quan điểm: “trung với nước, hiếu với dân” là tôn chỉ, nguyên tắc hoạt động xuyên suốt cuộc đời cách mạng của Người; tấm gương đạo

đức Hồ Chí Minh là tấm gương của một con người cả đời phấn đấu hy sinh, tất cả vì dân, vì nước, vì hạnh phúc con người. Hồ Chí Minh chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao nước nhà được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Nói chuyện với đồng bào trước khi sang thăm Pháp (ngày 30-5-1946), Hồ Chí Minh khẳng định: Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó. Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết, tranh được chính quyền, ủy thác cho tôi gánh việc Chính phủ, tôi lo lắng đêm ngày, nhẩn nhục cố gắng - cũng vì mục đích đó, bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ đeo đuổi một mục đích, làm cho ích quốc lợi dân.

Ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, vượt qua mọi thử thách, khó khăn để đạt được mục đích, được nuôi dưỡng bởi truyền thống đạo đức của dân tộc, ở Hồ Chí Minh đã hình thành một lý tưởng và hoài bão đúng đắn, tạo ra động lực cho Người vượt qua mọi thử thách, chông gai để đưa cách mạng đi đến thắng lợi cuối cùng. Trên các chặng đường cách mạng qua năm châu, bốn biển, Hồ Chí Minh sống một cuộc sống kham khổ, khó khăn, ý chí và nghị lực tinh thần to lớn của Hồ Chí Minh trưởng thành qua thực tiễn cách mạng, kết hợp với một niềm tin, một tinh thần lạc quan từ trong tâm hồn của Người. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh từng bị tù đầy nhiều nơi, nhưng vẫn luôn giữ thái độ lạc quan, tin tưởng vào sức mạnh của con người, vào cuộc sống, chính nghĩa, với ý chí, nghị lực tinh thần to lớn, vượt qua mọi thử thách, khó khăn.

Hết lòng thương yêu, quý trọng, phục vụ nhân dân, là một tấm gương mẫu mực phục vụ nhân dân, Hồ Chí Minh ý thức rõ rằng, cán bộ phải có trách nhiệm với dân, làm cán bộ chứ không phải quan cách mạng, cho nên từ việc nhỏ đến lớn đều phải vì nhân dân; ở bất kỳ cương vị nào cũng phải vì nhân dân mà phục vụ. *"Làm Chủ tịch nước mệt lắm. Trăm việc đều phải lo. Trời mưa, trời nắng, gió bão..., chưa ai lo, mình đã phải lo. Các cháu choẹt mắt, chưa ai lo, mình đã phải lo"*²¹. Hồ Chí Minh định nghĩa cái gì có lợi cho nhân dân, cho dân tộc là chân lý, và Người xem phục vụ nhân dân là phục tùng chân lý; làm công bộc cho dân là

²¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, 2006, T10, tr 466.

một việc làm cao thượng. Hồ Chí Minh dặn dò: “Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”. Hồ Chí Minh là người thấu hiểu dân tình, chăm lo dân sinh, nâng cao dân trí để không ngừng thực hành dân chủ cho dân, ngày đêm Người đau đáu một điều là “giành được độc lập rồi, thì phải làm cho dân được ăn no mặc ấm”, nếu không, nền độc lập đó chẳng có giá trị gì; để dân đói, dân rét thì Đảng và Chính phủ có lỗi với dân.

Nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu, luôn hết mực vì con người, Mohamed Lamari, nguyên Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Angiêri tại Việt Nam, từng khẳng định: “Ưu điểm lớn nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh là không chỉ đấu tranh cho một lá cờ, cho một sự giải phóng ở bề mặt bên ngoài, Người muốn tiến hành một cuộc chiến đấu cho phẩm giá con người, cho sự giải phóng và phúc lợi của toàn dân và nhờ thế mà cuộc cách mạng do Người phát động đã mang tầm cỡ thế giới...”. Lòng khoan dung nhân ái của Hồ Chí Minh luôn dành hết mực cho mọi kiếp người, Người cảm thấy rất đau khổ khi nhìn thấy những thanh niên Mỹ chết một cách vô ích ở Việt Nam, hiếm có một lãnh tụ nào trong chiến tranh mà lại thấy được máu nào cũng là máu, người nào cũng là người, đều quý như nhau. Ngay đối với kẻ xâm lược đã gây nên bao đau thương cho dân tộc mình, gây ra bao tội ác đối với nhân dân, nhưng khi bị bắt, Người vẫn căn dặn cán bộ, chiến sĩ ta phải đối xử với họ một cách khoan hồng, phải làm cho thế giới thấy rằng dân tộc Việt Nam là một dân tộc văn minh, tiến bộ, văn minh hơn bọn đi giết người, cướp nước.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và hết sức khiêm tốn. Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về thực hành tiết kiệm trong ăn, mặc, ở, đi lại... Mọi cái ở Người được sử dụng một cách hợp lý, tiết kiệm đã trở thành nếp sống, sinh hoạt, thành giá trị văn hoá, triết lý nhân sinh, biểu trưng của lối sống văn minh, hiện đại làm cơ sở cho việc thực hiện tinh thần nhân văn cao cả trong thế giới còn nghèo đói, khó khăn, vật lộn để sinh tồn và phát triển. Giữ mình liêm khiết, trong sạch, Hồ Chí Minh sống trung thực, chân thành với chính mình và với người khác, luôn tôn trọng nhân cách người khác, Người biết nâng con người lên, khuyến khích, động viên để con người thấy rõ giá trị đích thực của cuộc sống, có khát vọng sống.

Phong cách Hồ Chí Minh

Nói phong cách Hồ Chí Minh là nói đến những đặc trưng giá trị, mang đậm dấu ấn Hồ Chí Minh, gắn liền với tư tưởng, đạo đức của Người; thể hiện một nhân cách lớn, siêu việt, trí tuệ lỗi lạc, đạo đức trong sáng, nhân văn. Đó là phong cách của một vĩ nhân, một chiến sĩ cộng sản lỗi lạc, một nhà văn hóa lớn.

Phong cách Hồ Chí Minh được thể hiện trong mọi lĩnh vực sống và hoạt động của Người, tạo thành một chỉnh thể nhất quán, có giá trị khoa học, đạo đức và thẩm mỹ. Phong cách Hồ Chí Minh gồm những điểm nổi bật sau đây:

Về phong cách tư duy, bao gồm: phong cách tư duy khoa học, cách mạng và hiện đại; phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo; phong cách tư duy hài hoà, uyển chuyển, có lý có tình. Hồ Chí Minh luôn biết xuất phát từ cái chung, cái nhân loại, từ những chân lý phổ biến, những “lẽ phải không ai chối cãi được” để nhận thức và lý giải những vấn đề của thực tiễn.

Về phong cách làm việc, bao gồm: phong cách làm việc khoa học. Hồ Chí Minh yêu cầu làm việc gì cũng phải điều tra, nghiên cứu, thu thập thông tin, số liệu, để nắm chắc thực chất tình hình, “Đảng có hiểu rõ tình hình, thì đặt chính sách mới đúng”; phong cách làm việc có kế hoạch. Người dạy, trong việc đặt kế hoạch “không nên tham lam, phải thiết thực, vừa sức, từ thấp đến cao”, “chớ làm kế hoạch đẹp mắt, to tát, kế hàng triệu, nhưng không thực hiện được”; phong cách làm việc đúng giờ, Hồ Chí Minh quý thời gian của mình bao nhiêu thì cũng quý thời gian của người khác bấy nhiêu. Người thường không để ai phải đợi mình, chủ động đến trước nếu có thể; phong cách đổi mới, sáng tạo, không chấp nhận lối cũ, đường mòn. Người nói: Tư tưởng bảo thủ như là sợi dây cột chân, cột tay người ta..., muốn tiến bộ phải có tinh thần mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm.

Về phong cách lãnh đạo, thể hiện qua việc: tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; đi đúng đường lối quần chúng, lắng nghe ý kiến của đảng viên, của nhân dân, của những người “không quan trọng”. Theo Người, phải biết động viên, khuyến khích khiến cho cán bộ cả gan nói, cả gan đề ra ý kiến, tức là phải làm cho cấp dưới không sợ nói sự thật và cấp trên không sợ nghe sự thật; phải tổ chức việc kiểm tra, kiểm soát cho tốt. Trong giai đoạn 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1955-1965) không

quản tuổi cao, công việc bề bộn, Người đã thực hiện hơn 700 lượt đi thăm các địa phương, công trường, xí nghiệp, hợp tác xã, đơn vị bộ đội để thăm hỏi chiến sĩ và đồng bào và xem xét tình hình, kiểm tra công việc. Về phong cách nêu gương, Người đòi hỏi, mỗi cán bộ, đảng viên phải làm kiểu mẫu trong công tác và lối sống, trong mọi lúc, mọi nơi, nói phải đi đôi với làm để quần chúng noi theo.

Về phong cách diễn đạt, được thể hiện qua: cách nói, cách viết giản dị, cụ thể, thiết thực; diễn đạt ngắn gọn, cô đọng, hàm súc, trong sáng và sinh động; có lượng thông tin cao. Bác Hồ thường viết ngắn: “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị”, chỉ với 9 chữ mà Bác đã khái quát được cả ba giai đoạn đầy biến động của đất nước. Nhiều câu Bác đúc kết lại như châm ngôn: “Nước lấy dân làm gốc”, “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”...; sinh động, gần gũi với cách nghĩ của quần chúng, gần với những hình ảnh ví von, so sánh cụ thể. Người dùng hình ảnh “con đĩa hai vôi” để nói về bản chất của chủ nghĩa đế quốc, hoặc ví “lý luận như cái tên, thực hành như cái đích” để nhấn... Phong cách diễn đạt của Bác luôn luôn biến hoá, nhất quán mà đa dạng, Bác dạy: “Mỗi tư tưởng, mỗi câu nói, mỗi chữ viết, phải tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ước ao của quần chúng”.

Về phong cách ứng xử, được thể hiện qua việc: khiêm tốn, nhã nhặn, lịch thiệp; chân tình, nồng hậu, tự nhiên; linh hoạt, chủ động, biến hoá; vui vẻ hoà nhã, xoá nhoà mọi khoảng cách... Với phong cách ứng xử đó đã lý giải vì sao, mỗi khi Bác Hồ xuất hiện ở đâu là ở đó rộn lên niềm vui và tiếng cười hồ hởi không dứt.

Về phong cách sinh hoạt, bao gồm: phong cách sống cần kiệm, liêm chính; phong cách sống hài hoà, nhuần nhuyễn giữa văn hoá Đông – Tây, nhưng luôn giữ vững, yêu quý và tự hào về văn hoá Việt Nam; tôn trọng quy luật tự nhiên, gần bó với thiên nhiên

Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đã nhấn mạnh: “Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; coi đây là yêu cầu và biện pháp rất quan trọng để tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về xây dựng Đảng. Trong giai đoạn hiện nay, thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là việc làm tất yếu và cần thiết đối với mỗi tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng

viên, quần chúng. Việc học tập phải được tiến hành tập trung, thống nhất từ trên xuống, vừa có tính kế hoạch nhưng cũng bảo đảm tính sáng tạo. Những giải pháp đưa ra phải sát với đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và phù hợp với thực lực của cán bộ, đảng viên, quần chúng. Để thực hiện tốt việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục phát huy cao độ vai trò của hệ thống tổ chức, cấp ủy và lãnh đạo các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, đây là giải pháp quan trọng hàng đầu, đóng vai trò quyết định trực tiếp đến hiệu quả thực hiện thắng lợi đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, quần chúng. Giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên, quần chúng theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một trong những hoạt động của công tác xây dựng Đảng trong mỗi tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị. Vì vậy, cấp ủy, lãnh đạo các cấp, đội ngũ cán bộ, đảng viên có vai trò quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng, hiệu quả những hoạt động đó ở cơ quan, đơn vị mình. Tổ chức đảng, trong đó hạt nhân là cấp ủy đảng có vai trò quyết định đến chất lượng, hiệu quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên, quần chúng.

Thứ hai, vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, phương pháp trong thực hiện đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Chất lượng, hiệu quả đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh không chỉ phụ thuộc vào việc phát huy vai trò của hệ thống tổ chức và cấp ủy, người lãnh đạo các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện mà còn phụ thuộc rất lớn vào các hình thức, phương pháp giáo dục. Đồng thời với phát huy vai trò của các tổ chức, cá nhân, cần đổi mới và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, phương pháp tổ chức đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đây là yêu cầu vừa cơ bản, cấp bách, vừa thường xuyên của quá trình đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, quần chúng.

Thứ ba, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong

cách Hồ Chí Minh. Đây là giải pháp mang tính đột phá, là động lực, mắt xích quan trọng trong quá trình gắn kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI với thực hiện đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Việc xác định đúng “nút thắt”, giải phóng những vướng mắc, hạn chế trong thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh (Chỉ thị 03 - CT/TW) với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI là cơ sở quan trọng để tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05 - CT/TW.

Thứ tư, đẩy mạnh xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến là một giải pháp quan trọng để thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05 - CT/TW. Thực hiện tốt điều đó sẽ tạo động lực thúc đẩy toàn cơ quan, đơn vị, các cấp chính quyền địa phương, cán bộ, đảng viên, quần chúng thi đua rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trên mọi lĩnh vực. Để thực hiện việc nhân rộng điển hình tiên tiến có hiệu quả, cần làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về sự cần thiết phải xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho các đối tượng ở cơ quan, đơn vị, các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương, đồng thời tập trung xây dựng, hoàn thiện các tiêu chí điển hình tiên tiến, làm cơ sở để các tập thể, cá nhân phấn đấu, bình xét, khen thưởng. Việc làm này phải được tiến hành: công khai; dân chủ, các tập thể, cá nhân được biểu dương, khen thưởng phải là những tấm gương thực sự tiêu biểu.

Thứ năm, đẩy mạnh tính tự giác học tập và tu dưỡng, rèn luyện đạo đức theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của cán bộ, đảng viên, quần chúng. Để phát huy tính tự giác của cán bộ, đảng viên, quần chúng thì những chuyên đề giáo dục cần có sự đổi mới cả về hình thức và cách tiếp cận, phải đi vào thực chất, khắc phục bệnh hình thức, chung chung. Trong phát huy vai trò tự giáo dục, tự rèn luyện tư tưởng, đạo đức, phong cách của cán bộ, đảng viên, quần chúng cần hết sức coi trọng việc phát huy tính tự giác, tính tích cực đấu tranh với cái xấu. Mỗi cán bộ, đảng viên, quần chúng luôn tự đấu tranh với chính mình để không bị ảnh hưởng của những mặt xấu tồn tại trong xã hội tác động.

Thứ sáu, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng, phát huy vai trò giám sát của tổ chức quần chúng trong thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Kiểm tra, giám sát là khâu quan trọng trong toàn bộ quy trình thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thực tiễn, kinh nghiệm tổ chức học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ở giai đoạn trước đã cho thấy: cơ quan, đơn vị, địa phương nào phát huy tốt vai trò của các tổ chức quần chúng tham gia giám sát các mặt hoạt động của cán bộ, đảng viên thì ở đó, vai trò của đội ngũ lãnh đạo, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương được tăng cường; những biểu hiện vi phạm kỷ luật của cán bộ, đảng viên được phát hiện, ngăn chặn kịp thời; niềm tin của quần chúng nhân dân được củng cố; uy tín của cán bộ, đảng viên được nâng cao. Và ngược lại, ở cơ quan, đơn vị, địa phương nào việc kiểm tra, giám sát làm qua loa, chiếu lệ, thiếu phương pháp, thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó tất yếu sẽ yếu kém. Công tác kiểm tra, giám sát phải được tiến hành: thường xuyên, liên tục, không cứng nhắc và nặng nề hành chính hóa để tránh tình trạng đối phó, phô trương, không thực chất. Kiểm tra, giám sát phải trong tất cả các khâu, các bước, các hoạt động công tác, thực hiện kiểm tra để kịp thời phát hiện, uốn nắn những hạn chế, yếu kém, nhất là những yếu kém trong nhận thức của cán bộ, đảng viên, quần chúng.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh? Làm rõ vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam?
2. Phân tích nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh? Qua đó rút ra bài học cho bản thân?
3. Phân tích một số nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh? Liên hệ thực tiễn cách mạng hiện nay?
4. Trình bày sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh? Liên hệ bản thân?

5. Trình bày những nội dung về phẩm chất đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh. Nội dung nào anh (chị) cảm thấy tâm đắc nhất?

6. Anh (chị) hãy cho biết những việc làm cụ thể của bản thân để góp phần thực hiện chỉ thị 05-CT/TW về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”?

NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Bối cảnh lịch sử trong nước và quốc tế cho sự ra đời của Đảng: Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản với nhau do tranh giành thuộc địa, phân chia thị trường và khu vực ảnh hưởng là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới cuộc đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914- 1918).

Trong lúc phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đang phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là khi được trang bị bởi một học thuyết cách mạng và khoa học, cuộc cách mạng vô sản đầu tiên nổ ra và giành thắng lợi tại Nga năm 1917. Thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Mười đã cổ vũ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới, đặc biệt là nhân dân các nước thuộc địa dẫn tới sự ra đời của hàng loạt các đảng cộng sản.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Triều đình nhà Nguyễn hèn nhát đầu hàng ký Hiệp ước Patenôt dâng nước ta cho giặc. Việt Nam từ quốc gia phong kiến độc lập trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến. Nhân dân Việt Nam rơi vào thân phận nô lệ lầm than. Các chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp (Lần I từ 1897 - 1914 và lần II từ 1919 - 1929) làm cho tình hình phân hoá giai cấp ở Việt Nam trở nên gay gắt. Nước ta tồn tại năm giai cấp và tầng lớp: địa chủ phong kiến, nông dân, tư sản, vô sản, tiểu tư sản.

Tuy triều đình nhà Nguyễn phản động, đầu hàng chấp nhận làm tay sai cho Pháp nhưng nhân dân ta không cam chịu thân phận nô lệ. Ở khắp mọi nơi, các giai

cấp, tầng lớp trong xã hội đều đứng lên đấu tranh với mục tiêu đánh đuổi thực dân Pháp và xây dựng lại đất nước theo quan điểm lập trường của giai cấp mình:

+ Đứng trên lập trường của giai cấp địa chủ phong kiến phải kể đến phong trào Cần Vương do Tôn Thất Thuyết lãnh đạo kêu gọi tinh thần yêu nước trong nhân dân đánh đuổi thực dân Pháp, phò tá vua Hàm Nghi khôi phục lại triều đại phong kiến. Năm 1897, phong trào thất bại chấm dứt vai trò lãnh đạo cách mạng của các sĩ phu yêu nước.

+ Xuất phát từ đặc điểm của một quốc gia nông nghiệp có 90% dân số là nông dân, với tinh thần yêu nước nồng nàn giai cấp này đã có những phong trào chống Pháp sôi nổi nhưng chủ yếu mang tính chất lẻ tẻ, tự phát. Tuy vậy, khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo kéo dài đến mấy chục năm và gây cho Pháp nhiều tổn thất là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất.

+ Phong trào đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản diễn ra khá sôi nổi do ảnh hưởng của tình hình thế giới đặc biệt là cách mạng Tân Hợi năm 1911 của Trung Quốc:

Đó là phong trào Đông Du do Phan Bội Châu lãnh đạo nhằm đưa thanh niên yêu nước Việt Nam sang Nhật du học, dựa vào Nhật chống Pháp. Nhưng làm như vậy chẳng khác nào: “Đuổi hổ cửa trước rước beo cửa sau”.

Đó là phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục do Lương Văn Can lãnh đạo nhằm tuyên truyền đả kích chế độ phong kiến, cổ vũ lòng yêu nước, mở trường dạy chữ quốc ngữ.

Đó là phong trào Duy Tân của Phan Chu Trinh lãnh đạo đòi cải cách trong khuôn khổ thống trị của thực dân Pháp.

Đặc biệt là việc thành lập Việt Nam Quốc dân Đảng (12/1927) do Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Nhưng do tổ chức lỏng lẻo, thành phần phức tạp, thiếu thận trọng trong kết nạp đảng viên nên để cho mật thám và tay sai Pháp lọt vào tổ chức. Thất bại của khởi nghĩa Yên Bái do Việt Nam Quốc dân Đảng lãnh đạo vào ngày 09/02/1930 đặt dấu chấm hết cho vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam.

+ Phong trào yêu nước của tầng lớp tiểu tư sản: Đấu tranh đòi thả cụ Phan Chu Trinh và để tang cụ Phan Bội Châu.

Tóm lại, các phong trào yêu nước Việt Nam chống Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã nêu cao khí phách của toàn dân tộc nhưng đều thất bại. Nguyên nhân dẫn đến thất bại vì chưa có đường lối chính trị đúng đắn, lực lượng lãnh đạo tiến bộ, chưa phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc... Cách mạng Việt Nam lâm vào cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước.

- Quá trình ra đời của Đảng:

Thấu hiểu nỗi khổ nhục của người dân mất nước, năm 1911, Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước. Người đi về phương Tây với mục tiêu: “Muốn đánh thắng kẻ thù phải hiểu rõ kẻ thù”. Tháng 7/1920, Người đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về những vấn đề dân tộc và thuộc địa” của Lênin. Người đã tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam là con đường cách mạng vô sản. Từ đây, Người tích cực chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản.

Tháng 6/1925, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được thành lập để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin tạo sự chuyển biến về chất trong phong trào cách mạng Việt Nam, dẫn đến sự ra đời của ba tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản Đảng (6/1929), An Nam Cộng sản Đảng (8/1929), Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (9/1929).

Nhưng ở một nước mà có đến ba tổ chức cộng sản hoạt động về lâu dài sẽ không có lợi cho cách mạng. Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc triệu tập hội nghị hợp nhất ba tổ chức trên. Ngày 3/2/1930, tại bán đảo Cửu Long - Hương Cảng - Trung Quốc, Người đã chủ trì Hội nghị hợp nhất Đảng thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam.

- Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng và những thắng lợi của cách mạng Việt nam dưới sự lãnh đạo của Đảng:

Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp của 3 nhân tố: Chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân, phong trào yêu nước; Chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước; Từ đây cách mạng Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đường lối cách mạng vô sản của Đảng Cộng sản Việt Nam đáp ứng khát vọng ngàn đời của nhân dân lao động, trước hết là giai cấp công nhân, nông dân và

những người nghèo khổ về một xã hội tốt đẹp, trong đó mọi người đều có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, công bằng, thương yêu, đùm bọc lẫn nhau, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn... Đó chính là lý tưởng cộng sản, lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Do đó, Đảng Cộng sản tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân tin theo, trước hết là nhân dân lao động, đặc biệt là công nhân và nông dân.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời có thể tập hợp được một lực lượng cách mạng hùng hậu cho phép giải phóng đất nước khỏi sự đô hộ của thực dân Pháp đồng thời đưa đất nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, mang lại cơm no, áo ấm cho nhân dân.

1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

Đảng Cộng sản Việt Nam – Người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện ở từng giai đoạn cách mạng cụ thể:

- Giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc:

Mục đích của cách mạng giải phóng dân tộc là đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc và thiết lập chính quyền của nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân giành được thắng lợi này chính nhờ đường lối đúng đắn, phù hợp với yêu cầu của lịch sử.

Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, khi giai cấp tư sản vừa bóc lột giai cấp công nhân ở chính quốc, vừa bóc lột nhân dân thuộc địa, cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi triệt để phải đi theo con đường cách mạng vô sản. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *“Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”*. Đảng của giai cấp vô sản ở các nước thuộc địa nắm lấy và giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, gần phong trào giải phóng dân tộc trong nước với phong trào cách mạng thế giới. Thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 trước hết là thắng lợi của đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Vai trò của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng, phát triển đất nước:

V.I.Lênin khẳng định: Giành được chính quyền đã khó, giữ được chính quyền còn khó hơn nhiều. Sau thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng Cộng sản là lực lượng duy nhất có thể tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân để bảo vệ thành quả cách mạng. Có được khả năng đó là do Đảng gồm những người tiên tiến nhất của giai cấp và dân tộc, trung thành, kiên định với lợi ích của dân tộc, luôn đi đầu, sẵn sàng hy sinh vì nền độc lập dân tộc nên được nhân dân tin tưởng và đi theo.

Trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam có khả năng to lớn để lãnh đạo nhân dân xây dựng xã hội mới vì còn đường cách mạng do Đảng lãnh đạo phù hợp với thời đại và quy luật phát triển của xã hội. Đảng không có mục đích tự thân. Ngoài lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, lợi ích của toàn dân tộc Việt Nam, lợi ích của nhân dân tiến bộ trên thế giới, Đảng không có lợi ích nào khác.

Lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng tỏ không có một tổ chức chính trị nào có thể thay thế được vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thực tế trong quá trình đấu tranh giành và giữ chính quyền, có những lực lượng chính trị tham gia cùng với Đảng, nhưng khi cách mạng gặp khó khăn, họ đều chùn bước. Chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam trung thành với lợi ích của giai cấp vô sản, của dân tộc, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì lợi ích đó. Biết bao đảng viên và quần chúng của Đảng đã suốt đời phấn đấu, hy sinh vì lý tưởng cao cả, vì độc lập, tự do của Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.1. Thành tựu của cuộc đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

- Thành tựu của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945

Vừa mới ra đời, Đảng đã phát động một phong trào cách mạng rộng lớn mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh. Phong trào này đã khẳng định trên thực tế vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng và sức mạnh của khối liên minh công nông. Phong trào này đã được Quốc tế Cộng sản đánh giá cao đóng góp của phong trào cách

mạng Việt Nam đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, công nhận Đảng ta là một phân bộ trực thuộc Quốc tế Cộng sản.

Sau cuộc đấu tranh đầy gian khổ và tổn thất để bảo vệ Đảng, duy trì tổ chức quần chúng cách mạng, đến năm 1936, khi tình hình trong nước và thế giới có sự biến chuyển mới, Đảng đã chủ trương tạm gác khẩu hiệu độc lập dân tộc và người cày có ruộng, chuyển hướng đấu tranh sang đòi dân sinh dân chủ, với các hình thức đấu tranh và tổ chức thích hợp, chuẩn bị lực lượng cho cuộc đấu tranh giành chính quyền. Phong trào đấu tranh những năm 1936-1939 đã làm cho ảnh hưởng của Đảng ăn sâu, lan rộng trong quần đại quần chúng. Đảng đã biết kết hợp các hình thức đấu tranh công khai hợp pháp với các hình thức bất hợp pháp, bí mật trong cuộc đấu tranh ở một nước thuộc địa. Qua phong trào, sự giác ngộ chính trị của quần chúng được nâng cao.

Từ năm 1939, khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đảng ta đã có những nhận định sáng suốt về tình hình thế giới và xu hướng phát triển của cách mạng Đông Dương, xác định giải phóng dân tộc, đánh đuổi phátxít Pháp, Nhật, giành độc lập, tự do là yêu cầu sống còn của dân tộc Việt Nam. Từ đó, Đảng chủ trương chuẩn bị các điều kiện để tiến hành cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân. Nhờ có sự chuẩn bị chu đáo trong cuộc vận động giải phóng dân tộc những năm 1939-1945 và nắm bắt thời cơ lịch sử một cách chuẩn xác và kịp thời khi Nhật đã đầu hàng quân Đồng minh, Đảng đã phát động, tổ chức thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Ngày 02-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, lập nên nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Đánh giá ý nghĩa lịch sử của sự kiện này, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc.

Với thắng lợi này, nhân dân ta đã đập tan xiềng xích nô lệ hơn 80 năm của thực dân Pháp và hàng trăm năm chế độ phong kiến đưa lại độc lập, thống nhất cho đất nước ta; đưa nhân dân ta từ địa vị nô lệ thành người làm chủ xã hội; lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á; đưa Đảng ta từ hoạt động bất hợp pháp thành đảng cầm quyền trong toàn quốc; khẳng định trong thực tiễn tư tưởng cách mạng dân tộc và khởi nghĩa dân tộc, khởi nghĩa toàn dân của Hồ Chí Minh và đường lối cứu nước giải phóng dân tộc của Đảng vạch ra là đúng đắn; nâng cao niềm tự hào dân tộc và để lại nhiều kinh nghiệm quý báu cho Đảng và nhân dân ta; mở ra kỷ nguyên phát triển mới cho dân tộc Việt Nam, kỷ nguyên độc lập tự do gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Đặt trong bối cảnh thế giới năm 1945, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; tăng cường lực lượng, mở rộng địa bàn cho cách mạng thế giới; chứng minh học thuyết Mác- Lênin có thể áp dụng thành công vào cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa nếu biết vận dụng một cách đúng đắn, sáng tạo.

- Thành tựu của cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 – 1946)

Ngay khi vừa mới ra đời, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã phải đối mặt với ba thứ giặc: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Nạn đói hoành hành đầu năm 1945 đã làm chết hơn hai triệu người ở miền Bắc. Trên 95% dân Việt Nam mù chữ. Ở miền Bắc, hơn 20 vạn quân Tưởng đã tràn vào với mưu đồ “diệt cộng, cầm Hồ”. Ở miền Nam, hơn 15 vạn quân Pháp với sự giúp đỡ của liên quân Anh - Ấn lăm le xâm lược nước ta. Trong khi đó, lực lượng mọi mặt của Nhà nước ta còn rất non yếu; vận mệnh của đất nước trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã kịp thời đề ra những chủ trương và quyết sách đúng đắn, toàn diện trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng. Đối với các thế lực thù địch, chúng ta đã thực hiện sách lược mềm dẻo, lợi dụng mâu thuẫn, phân hóa chúng, dành thời gian củng cố lực lượng, chuẩn bị kháng chiến. Với đường lối chính trị sáng suốt, vừa cứng rắn về nguyên tắc, vừa mềm dẻo về sách lược, Đảng ta đã động viên được sức mạnh đoàn kết toàn dân, triệu người như một, vượt qua muôn vàn khó khăn, nguy hiểm

để củng cố, giữ vững chính quyền, đưa cách mạng vượt qua tình thế hiểm nghèo, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

- Thành tựu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954)

Bất chấp mong muốn độc lập và hòa bình của Chính phủ và nhân dân ta, mặc dù chúng ta đã nhân nhượng nhưng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng có dã tâm cướp nước ta một lần nữa.

Lịch sử đó đặt dân tộc ta trước một thử thách mới, phải đứng lên bảo vệ nền độc lập của dân tộc. Đêm ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đồng loạt đứng lên với quyết tâm “thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đánh dấu bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Đánh giá ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Lần đầu tiên trong lịch sử một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới”.

Thắng lợi đó làm sáng tỏ một chân lý: “Trong điều kiện thế giới ngày nay, một dân tộc dù là nhỏ yếu, nhưng một khi đó đoàn kết đứng lên, kiên quyết đấu tranh dưới sự lãnh đạo của chính đảng Mác - Lênin để giành độc lập và dân chủ, thì có đầy đủ lực lượng để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược. Thắng lợi đó cũng chứng tỏ rằng chỉ có sự lãnh đạo đúng đắn của giai cấp công nhân mà Đảng ta là đại biểu, chỉ có đường lối cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin mới có thể tạo điều kiện cho nhân dân ta đánh bại quân thù và giành tự do, độc lập”.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược có ý nghĩa lịch sử to lớn đối với nước ta và với thế giới. Đối với nước ta, thắng lợi này đã làm

sụp đổ hoàn toàn ý chí xâm lược của thực dân Pháp đối với Việt Nam; bảo vệ được độc lập, chủ quyền dân tộc, giữ vững được chính quyền dân chủ nhân dân; giải phóng được một nửa đất nước là miền Bắc, tạo điều kiện đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, trở thành căn cứ địa, hậu phương của cả nước để giải phóng miền Nam trong giai đoạn sau; tăng thêm sức mạnh vật chất, tinh thần cho cách mạng Việt Nam; nâng cao uy tín cho dân tộc và cho Đảng trên trường quốc tế; để lại nhiều kinh nghiệm cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sau đó... Đối với quốc tế, thắng lợi này đã buộc thực dân Pháp phải chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Đông Dương trên cơ sở tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia; nhân dân Việt Nam trở thành người đi tiên phong trong việc làm tan rã chủ nghĩa thực dân cũ, cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc; miền Bắc được hoàn toàn giải phóng đã góp phần tăng cường lực lượng và địa bàn cho chủ nghĩa xã hội.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)

Trong những năm 1954-1975, với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và khi đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định Giơnevơ, đưa cố vấn quân sự rồi quân viễn chinh xâm lược miền Nam, đánh phá miền Bắc thì cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ mới với đặc điểm là đất nước tạm thời chia làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Đảng xác định con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam là tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược:

Một là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa vững mạnh của cách mạng cả nước.

Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà.

Tuy mỗi miền thực hiện một nhiệm vụ chiến lược khác nhau nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong đó, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với toàn bộ sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vị trí quan trọng, có tác dụng trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với tinh thần "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào". Trong cuộc đọ sức quyết liệt này, đế quốc Mỹ đã huy động và sử dụng một lực lượng quân sự và phương tiện chiến tranh khổng lồ nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng nước ta. Trải qua 21 năm chiến đấu kiên cường, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ hy sinh, được sự đồng tình ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới, đã lần lượt đánh thắng các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân ở miền Bắc. Bằng cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 với thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử có ý nghĩa dân tộc và thời đại to lớn. Đối với dân tộc ta, thắng lợi này kết thúc hơn 20 năm chống đế quốc Mỹ, 30 năm chiến tranh cách mạng, hơn một thế kỷ chống xâm lược nước ngoài, đưa lại độc lập, thống nhất trọn vẹn cho đất nước ta; hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội; tăng thêm sức mạnh to lớn về vật chất, tinh thần cho cách mạng Việt Nam; nâng cao vị thế quốc tế cho Đảng và dân tộc trên trường quốc tế.

Đánh giá tầm vóc vĩ đại và ý nghĩa lớn lao của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Nghị quyết Đại hội IV của Đảng viết: "Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc".

Đối với thế giới, thắng lợi này đã góp phần quan trọng làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ, tác động sâu sắc đến nội tình nước Mỹ; cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc dân chủ của nhân dân thế giới; mở rộng địa bàn và tăng thêm lực lượng cho chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới.

2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Sau thắng lợi vĩ đại mùa xuân năm 1975, cả nước ta bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh có những thuận lợi to lớn, song cũng gặp nhiều khó khăn nghiêm trọng.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội xuất phát từ một nước nông nghiệp lạc hậu, kinh tế chậm phát triển, cơ sở vật chất- kỹ thuật nhỏ bé, manh mún, hậu quả chiến tranh nặng nề, lại bị Mỹ phong tỏa cấm vận, tình hình quốc tế có những diễn biến bất lợi, phải đương đầu với cuộc chiến tranh ở hai đầu biên giới phía nam, phía bắc, đòi hỏi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta phải trải qua nhiều bước đi cụ thể thích hợp. Trong bối cảnh đó, với bản lĩnh chính trị vững vàng được tôi luyện qua thử thách đấu tranh vì độc lập dân tộc vì chủ nghĩa xã hội, Đảng đã kiên trì tìm tòi đề ra đường lối đổi mới đưa đất nước vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội, giành được những thành tựu to lớn, toàn diện.

Thắng lợi bước đầu của hai mươi năm đổi mới có ý nghĩa hết sức quan trọng. Báo cáo chính trị tại Đại hội X của Đảng đánh giá khái quát 20 năm đổi mới đó ghi nhận: Hai mươi năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Mặc dù còn không ít khó khăn, hạn chế, đất nước ta đã có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế ra khỏi khủng hoảng và có sự tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đó tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. Những thành tựu đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản.

Tóm lại, với những thắng lợi đã giành được trong thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành một quốc gia độc lập tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những thắng lợi đó là minh chứng sinh động về năng lực lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta, sức mạnh to lớn của nhân dân ta.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Trình bày hoàn cảnh lịch sử và phân tích các yếu tố để góp phần để lãnh tụ Nguyễn ái Quốc tiếp thu được chủ nghĩa Mác-Lênin và tìm cho cách mạng Việt Nam một con đường đúng đắn?
2. Phân tích và chứng minh rằng: con đường cứu nước của Việt Nam do lãnh tụ Nguyễn ái Quốc lựa chọn phù hợp với yêu cầu phát triển của lịch sử cách mạng Việt Nam?
3. Trình bày những yếu tố hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa của việc Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời?
4. Vì sao Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử?
5. Phân tích những thắng lợi vĩ đại của của Cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Qua đó rút ra những truyền thống quý báu của Đảng.
6. Vì sao sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu đảm bảo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

ĐẶC TRƯNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Chủ nghĩa xã hội là mục tiêu và lý tưởng của toàn Đảng và toàn dân ta. Từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo toàn dân đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước, dựng nên nhà nước dân chủ cộng hòa, tiến hành công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhằm thực hiện lý tưởng cao đẹp của toàn Đảng, toàn dân: xây dựng Việt Nam thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Tư tưởng về chủ nghĩa xã hội do các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin vạch ra đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta vận dụng sáng tạo và có kết quả vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng (năm 1991) đã nêu 6 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa: “Đó là xã hội: Do nhân dân lao động làm chủ; Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”. (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.111)

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI đã điều chỉnh, chuẩn hóa một số nội dung và cô đọng hóa một số đặc trưng của chủ nghĩa xã hội.

1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

Đây là đặc trưng tổng quát nhất, chi phối các đặc trưng khác bởi nó thể hiện mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là những giá trị xã hội tốt đẹp nhất, là nguyện vọng, mơ ước của nhân dân tiến bộ trên thế giới, là cái đích của xã hội loài người nói chung. Vì vậy, đây là đặc trưng thể hiện sự khác nhau căn bản, sự tiến bộ hơn hẳn của chế độ xã hội chủ nghĩa so với các chế độ xã hội trước đó.

Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là những mục tiêu không tách rời nhau, bổ sung cho nhau, mục tiêu này làm cơ sở, điều kiện, tiền đề cho mục tiêu kia. Ở Việt Nam, trong điều kiện xây dựng một nhà nước của dân, do dân, vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, thì yêu cầu phấn đấu cho một xã hội “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” là mục tiêu chiến lược vô cùng đẹp đẽ, tất yếu trên con đường xây dựng xã hội chủ nghĩa.

1.2. Do nhân dân làm chủ

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta xây dựng “do nhân dân làm chủ” là đặc trưng quan trọng và quyết định nhất trong những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa. Nhân dân lao động làm chủ được bảo đảm trên thực tế, trong mọi mặt đời sống xã hội.

Nhà nước ta là Nhà nước của Dân, do Dân và vì Dân: Dân là người chủ đất nước, Nhà nước là công cụ quản lý đất nước của Dân, mọi quyền lực Nhà nước đều ở nơi Dân, mọi tài sản của Nhà nước đều là của Dân. Đó là bản chất chính trị, bản chất nhân dân cực kỳ quan trọng của Nhà nước ta.

Đặc trưng này không thể tách rời những yêu cầu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Nói dân giàu, nước mạnh chính là thể hiện vai trò chủ thể của nhân dân đối với nhà nước - dân là chủ, nó vừa là mục tiêu, lại vừa là động lực của sự phát triển đất nước.

1.3 Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp.

Mác đã khẳng định: chủ nghĩa xã hội chỉ thực hiện được bởi “một nền đại công nghiệp”. Nền đại công nghiệp phát triển trên cơ sở khoa học - công nghệ, là

hiện thân và là yếu tố tạo nên lực lượng sản xuất hiện đại. Lực lượng sản xuất hiện đại quyết định việc nâng cao năng suất của nền sản xuất - yếu tố quy định sự phát triển lên trình độ cao của phương thức sản xuất mới. Trên cơ sở đó thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tiến bộ phù hợp để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Đảng ta đã tập trung phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mà trước mắt là hoàn thiện thể chế của nó; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, nhằm xây dựng một lực lượng sản xuất hiện đại để có một nền kinh tế phát triển cao - điều kiện bảo đảm cho sự phát triển bền vững xã hội xã hội chủ nghĩa.

1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Nếu như “nền kinh tế phát triển cao” là nội lực, là sức mạnh vật chất cho phát triển xã hội thì văn hóa là nguồn lực tinh thần bên trong của phát triển xã hội. Nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, chính là mục tiêu của xã hội xã hội chủ nghĩa, đồng thời là động lực và sức mạnh thúc đẩy xã hội đó phát triển. Để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chúng ta cần kế thừa và phát huy những giá trị, tinh hoa văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc; đồng thời, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và văn hóa thời đại để phát triển văn hóa Việt Nam thực sự là nền văn hóa vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực và sức mạnh cho xã hội phát triển.

Hơn nữa, bản chất xã hội xã hội chủ nghĩa là tiến bộ, khoa học và nhân văn. Cho nên, chủ nghĩa xã hội đồng chất và cùng chiều với văn hóa; phần đầu cho những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội cũng chính là phần đầu cho những giá trị văn hóa - xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội văn hóa cao. Chính vì vậy, Đảng ta chủ trương phát triển nền văn hóa vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc dân tộc; thống nhất trong đa dạng, làm phong phú diện mạo văn hóa Việt Nam.

1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện

Nói đến cùng, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, quá trình phấn đấu đạt tới những giá trị của xã hội xã hội chủ nghĩa đều là vì con người. Cho nên lịch sử của loài người là lịch sử con người đấu tranh xóa bỏ mọi lực cản thiên nhiên và xã hội để vươn tới một xã hội cao đẹp nhất - xã hội đó chính là xã hội xã hội chủ nghĩa. Bản chất xã hội xã hội chủ nghĩa, trình độ phát triển của xã hội chủ nghĩa, rõ ràng, là bản chất và trình độ phát triển người, của con người. Xã hội xã hội chủ nghĩa phải đem lại ấm no cho con người như là đòi hỏi tiên quyết. Nhưng bản tính con người là không bao giờ thỏa mãn với những gì đã đạt được. Con người phải được tự do - tự do không chỉ bó hẹp trong nghĩa được giải phóng khỏi áp bức bóc lột, nô dịch, kìm hãm về mặt xã hội. Điều quan trọng hơn là nó được thăng hoa tiềm năng trí tuệ, tình cảm và năng lực vốn có để thực hiện những khát vọng cao đẹp của mình. Sự phát triển toàn diện con người là ước mơ, khát vọng của con người tự do.

Xã hội xã hội chủ nghĩa chính là nơi: sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người... như C.Mác đã nói. Đặc trưng người nhất của khát vọng con người là hạnh phúc. Bởi có thể người ta giàu có, đầy đủ tiện nghi, được phát triển, song vẫn bất hạnh. Hạnh phúc là trạng thái yên lành, hài hòa, là tinh thần thoải mái biểu hiện sự mãn nguyện thanh cao nhất của con người. Phấn đấu đạt tới một xã hội bảo đảm hạnh phúc cho con người, đó là một xã hội văn hóa cao.

1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển

Nếu như các đặc trưng nêu trên (kinh tế, văn hóa, con người) là những yếu tố thuộc phẩm chất bên trong tạo nên một chỉnh thể xã hội, thì ở đặc trưng này đòi hỏi những yếu tố thiết yếu cho sự tồn tại bền vững của xã hội lành mạnh. “Bình đẳng” là một phẩm chất và giá trị nhân quyền thể hiện trình độ phát triển và chất nhân văn cao của xã hội. Một đòi hỏi quan trọng của xã hội chủ nghĩa là bảo đảm bình đẳng không chỉ cho cá nhân người công dân, mà còn ở cấp độ cho tất cả các cộng đồng, các dân tộc trong một quốc gia. Ngay trong xã hội hiện đại, ở các nước phát triển, thực hiện bình đẳng giữa các tộc người, các dân tộc cũng đang là vấn đề nan giải. Mặt khác, “đoàn kết” là sức mạnh - đó là một chân lý.

Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đã kêu gọi: Những người lao động ở tất cả các nước trên thế giới đoàn kết lại (C.Mác); còn trong cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khái quát một chân lý: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công. Đồng thời đây cũng là một giá trị đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa. "Bình đẳng" và "đoàn kết" chính là nền tảng của sự "tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển". Tôn trọng và giúp nhau không chỉ là tình thương, lòng nhân đạo, mà thực sự là đòi hỏi, yêu cầu, trách nhiệm và điều kiện thiết yếu cho sự phát triển của từng cá nhân, cộng đồng, dân tộc; là một tiêu chuẩn quan trọng của xã hội phát triển. Đoàn kết toàn dân, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc đã làm nên thành công của cách mạng Việt Nam. Và giờ đây, tinh thần đó, phương châm đó đang là những nét đặc sắc của giá trị xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo

Nhà nước pháp quyền là một hình thức quản lý nhà nước trên một trình độ cao và hiệu quả. Nó điều hành hoạt động của các cơ quan nhà nước và xã hội bằng pháp luật. Nhưng vấn đề ở đây là pháp luật nào? Pháp luật của ai và vì ai?

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhà nước quản lý và điều hành đất nước và xã hội bằng pháp luật thể hiện quyền lợi và ý chí của nhân dân; vì vậy, là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Đây là nhà nước mà tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân với nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật, tổ chức và quản lý xã hội bằng hệ thống pháp luật đó và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo

của Đảng Cộng sản - đảng mang bản chất, nội dung, thực hiện mục tiêu và lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới

Theo nguyên lý phát triển xã hội, đặc biệt trong thế giới hiện đại, mỗi quốc gia là một bộ phận hợp thành cộng đồng quốc tế. Sự phát triển quốc gia xã hội chủ nghĩa Việt Nam chỉ có được khi đẩy mạnh “quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”. Quan hệ hữu nghị và hợp tác chính là thể hiện bản chất hòa hảo, thiện chí và tạo điều kiện cho các quốc gia hội nhập, tiếp thu những thành quả phát triển của mỗi bên, tích lũy kinh nghiệm và rút ngắn quá trình phát triển của mỗi nước. Điều có ý nghĩa lớn lao hơn là ở chỗ, “hữu nghị”, “hợp tác”, “phát triển” chính là bản chất, là khát vọng hòa đồng theo bản chất trí tuệ và tình cảm nhân văn cao cả có tính nhân loại của con người, của loài người; điều thể hiện bản chất cao đẹp nhất của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Đây là một đặc trưng nổi bật của nội dung và mục tiêu xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Và chính nó là yếu tố, điều kiện để Việt Nam phát triển nhanh chóng trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện được đặc trưng nêu trên, Đảng ta vạch ra đường lối đối ngoại: độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, văn minh.

2. Phương hướng xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường

Từ một nền sản xuất nhỏ nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội, tất yếu phải tiến hành công nghiệp hoá. Trong thời đại cách mạng khoa học - công nghệ, công nghiệp hoá phải kết hợp ngay từ đầu với hiện đại hoá, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải trải qua lộ trình 3 bước: tạo tiền đề, điều kiện phát triển; đẩy mạnh phát triển và nâng cao chất lượng phát triển. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với xây dựng công nghiệp và thương hiệu công nghiệp quốc gia; phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển dịch vụ hiện đại; phát triển kinh tế biển, kinh tế vùng và liên vùng; phát triển đô thị và hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Xác định tiêu chí của nước công nghiệp hiện đại thể hiện được trình độ phát triển về kinh tế, trình độ phát triển về xã hội và trình độ phát triển về môi trường. Đây là điểm mới vì tiêu chí mang tính tổng hợp, toàn diện: kinh tế - xã hội - môi trường. Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, hoàn thiện quy hoạch và tăng cường quản lý, giám sát, sử dụng hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm các nguồn tài nguyên. Khai thác, sử dụng khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa xuất khẩu nguyên liệu thô. Thực hiện việc đấu thầu quyền khai thác, hoạt động khai thác khoáng sản. Nâng cao chất lượng xây dựng quy hoạch, kế hoạch và quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất. Khai thác và sử dụng bền vững nguồn nước; chủ động hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng nguồn nước xuyên quốc gia.

Cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân. Thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ và xử lý môi trường. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm. Khắc phục có hiệu quả ô nhiễm môi trường do chiến tranh để lại. Quy hoạch và xây dựng các công trình xử lý rác thải tập trung theo vùng, cụm xã. Hạn chế, tiến tới ngăn chặn căn bản tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, lưu vực sông, khu và cụm công nghiệp, khu đô thị và khu dân cư tập trung ở nông thôn. Tập trung xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng. Kiểm soát chất lượng không khí ở khu vực đô thị có mật độ dân cư cao. Thực hiện quy chuẩn, tiêu chuẩn phát thải và công nghệ theo lộ trình phù hợp. Tăng cường bảo vệ và phát triển rừng bền vững, nhất là rừng phòng hộ ven biển, rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản.

Khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo và các nguyên liệu, vật liệu mới, thân thiện với môi trường.

2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Đây là bước phát triển mới về lý luận của Đảng ta trong quá trình đổi mới. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định là 'mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Mô hình đó đòi hỏi phải:

Phát triển các thành phần kinh tế; các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.'

Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

Để xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh phải lấy văn hoá làm nền tảng tinh thần. Cần tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Đại hội XII của Đảng đề ra nhiệm vụ: Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Đây cũng là điểm mới vì Đảng gắn phát triển văn hóa với phát triển con người. Để thực hiện được mục tiêu này, Đảng ta yêu cầu: quán triệt mục tiêu phát triển là xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa; làm tốt công tác lãnh đạo, quản lý báo chí, xuất bản; phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa; chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa.

Mục tiêu của phương hướng này là nhằm quản lý xã hội, phát triển xã hội trong sự hài hòa các quan hệ xã hội, ngăn chặn, giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, không để xảy ra xung đột xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho đất nước phát triển. Muốn vậy, phải thực hiện tốt hai nhiệm vụ lớn:

Một là, giải quyết tốt lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động, bảo đảm an sinh xã hội.

Hai là, coi trọng chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân số kế hoạch hóa gia đình cải thiện tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; xây dựng gia đình hạnh phúc.

2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong điều kiện mới, tình hình mới, cần nhận thức sâu sắc hơn, cụ thể hơn về mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm an ninh quốc gia ngày nay bao gồm: an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh văn hoá, an ninh tư tưởng, an ninh xã hội. Bảo vệ Tổ quốc ngày nay không chỉ là bảo vệ lãnh thổ, biên giới, hải đảo, vùng trời, vùng biển mà

còn là bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân; bảo vệ kinh tế, văn hóa dân tộc, sự nghiệp đổi mới.

Mục tiêu của phương hướng này là phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN. Để thực hiện được mục tiêu này, Đại hội XII đề ra 7 nhiệm vụ:

Nhận thức việc củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị.

Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội.

Có kế sách ngăn ngừa nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa.

Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh tuyên truyền trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Đồng thời, thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn. Đẩy mạnh phòng, chống, đẩy lùi tội phạm, tệ nạn xã hội. Tăng cường an ninh, an toàn thông tin mạng. Bảo đảm trật tự, an toàn và giảm tai nạn giao thông.

2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

Toàn cầu hoá là một xu thế tất yếu khách quan đang lôi cuốn nhiều nước tham gia. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chúng ta phải chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Chủ động về đường lối, chính sách, bước đi trong hội

nhập. Tích cực chuẩn bị vươn lên tham gia mạnh mẽ hơn, đầy đủ hơn vào quá trình toàn cầu hoá kinh tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi. Đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Tăng cường hợp tác quốc tế và khu vực trong bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Kiên trì thúc đẩy giải quyết các tranh chấp trên biển bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử của khu vực.

Triển khai đồng bộ hoạt động đối ngoại, cả về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, văn hóa, xã hội. Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế và chủ động, tích cực đàm phán, ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; khai thác tối đa các cơ hội thuận lợi; hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực để mở rộng thị trường, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài cho phát triển. Nâng cao năng lực giải quyết các tranh chấp đầu tư, thương mại quốc tế.

Nâng cao chất lượng công tác tham mưu về đối ngoại và hội nhập quốc tế. Tăng cường công tác thông tin đối ngoại, hội nhập quốc tế, tạo đồng thuận trong nước và tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước.

Đẩy mạnh công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Khuyến khích và hỗ trợ đồng bào ta ở nước ngoài đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển và hòa nhập tốt với cộng đồng nước sở tại, đóng góp vào tăng cường hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với các nước. Làm tốt công tác bảo hộ công dân ở nước ngoài.

2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất

Mục tiêu của phương hướng này là để mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền lợi chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến. Để thực hiện có hiệu quả, Đại hội XII của Đảng yêu cầu: thể chế hóa và nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân

chủ trực tiếp và gián tiếp; thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”; bảo đảm phát huy dân chủ trong Đảng là hạt nhân để phát huy đầy đủ dân chủ trong xã hội; phát huy dân chủ đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ cương, kỷ luật và đạo đức xã hội.

Đại hội XII của Đảng coi đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng nước ta, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để thực hiện có hiệu quả phương hướng này, Đảng ta yêu cầu: tiếp tục thể chế hóa và cụ thể hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc; thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng; phát huy vai trò của giai cấp nông dân; xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh; quan tâm nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ, cựu chiến binh, người cao tuổi; thực hiện đoàn kết các dân tộc anh em; hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào định cư ở nước ngoài; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

Để xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có hiệu quả, Đại hội XII yêu cầu giải quyết tốt những vấn đề sau: coi việc tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị.

Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Nhà nước theo quy định của Hiến pháp năm 2013. Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Phân định rõ hơn vai trò và hoàn thiện cơ chế giải quyết tốt mối

quan hệ giữa Nhà nước và thị trường. Đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước

Hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước: Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ. Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh; dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại. Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước của mỗi cấp chính quyền địa phương.

Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Tập trung lãnh đạo về đường lối, chủ trương xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Sửa đổi, bổ sung chính sách đối với cán bộ, công chức; xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ, trọng dụng nhân tài.

2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng nước ta. Trong điều kiện hiện nay, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là “nhiệm vụ then chốt”, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn phải được coi là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng.

Kiên quyết, kiên trì tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI; chú trọng xây dựng Đảng về chính trị; đổi mới công tác tư tưởng lý luận; tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân; cơ hội, thực dụng. Đây là điểm mới vì trước đây trong công tác xây dựng Đảng chúng ta chỉ chú ý xây dựng về chính trị, tư tưởng, tổ chức.

Đại hội XII nhấn mạnh xây dựng Đảng về đạo đức, đặt nhiệm vụ tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh lên hàng đầu. Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị. Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường quan hệ mật

thiết giữa Đảng với nhân dân. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Căn cứ yêu cầu và điều kiện cụ thể của công cuộc đổi mới, Đại hội XII đã xác định các nhiệm vụ trụ cột của cách mạng nước ta hiện nay là : Phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt ; xây dựng văn hóa, con người là nền tảng tinh thần của xã hội ; tăng cường quốc phòng an ninh là trọng yếu thường xuyên. Trong hơn 30 năm đổi mới, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước ta , dân tộc ta ngày càng rõ ràng đầy đủ hơn.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Tại sao nói VN lựa chọn con đường quá độ lên CNXH là một tất yếu lịch sử ?
2. Tại sao độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay.
3. Trình bày Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
4. Trình bày Phương hướng xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

